

Hưng Yên, ngày 02 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO
Về công khai các hoạt động của Trường Đại học
Tài chính - Quản trị kinh doanh - Năm học 2021 - 2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục quốc dân, Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh công khai các nội dung thuộc hoạt động của Nhà trường trong năm học 2021 - 2022 như sau:

1. Về nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

– Công khai cam kết chất lượng đào tạo của trường năm học 2021 - 2022 (*Biểu mẫu 17*).

– Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của trường năm học 2020 – 2021 (*Biểu mẫu 18*)

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

– Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2021 - 2022 (*Biểu mẫu 19*).

– Công khai thông tin đội ngũ giảng viên cơ hưu của trường năm học 2021 - 2022 (*Biểu mẫu 20*).

*1.3. Công khai thu chi tài chính năm học 2021 - 2022 (*Biểu mẫu 21*).*

2. Về hình thức công khai: Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (<https://ufba.edu.vn/>) và công khai tại Trường.

Phòng Quản lý đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan đưa Thông báo công khai trên lên Website của trường và thực hiện việc theo dõi, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BGH, CTHĐT;
- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 17

Công khai cam kết chất lượng đào tạo Trường Đại học Tài chính-QTKD Năm học 2021-2022

(Kèm theo Thông báo số ~~KT~~ /TB-DHTCQTKD ngày ~~02~~ tháng ~~11~~ năm 2021)

A. TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

STT	Nội dung	Trình độ Thạc sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước</p> <p>➤ Phương thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển đối với người Việt Nam, xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học Thạc sĩ tại trường.</p> <p>➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 65</p> <p>➤ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:</p> <p>1. Vẽ văn bằng</p> <p>Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có một trong các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi tên ngành, chuyên ngành tốt nghiệp trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự thi hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học khác nhau dưới 10% so với chương trình đào tạo đại học chuyên ngành tương ứng của Trường.- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức của chương trình đại học tại Trường. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ ngành đã được xác định

là ngành đúng, ngành phù hợp (nêu trên) hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học (khối kiến thức ngành) khác nhau từ 10% đến 40% so với chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành tương ứng tại Trường. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi nội dung chương trình đào tạo đại học (khối kiến thức ngành) khác nhau trên 40% so với chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành tương ứng tại Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh.

2. Về thẩm niêm công tác:

- Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi phải có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đôi với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học

	<p>➤ Môn thi tuyển: gồm 3 môn</p> <ul style="list-style-type: none">- Môn ngoại ngữ (môn điều kiện)- Môn chủ chốt ngành- Môn chủ chốt chuyên ngành <p>➤ Điều kiện trúng tuyển:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:<ol style="list-style-type: none">a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.
--	---

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý; có kiến thức chuyên môn sâu; có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo để có thể đảm nhiệm công việc của một chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho học viên các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng;</p> <p>Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;</p> <p>Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề tài chính - ngân hàng ở tầm vĩ mô;</p> <p>Có kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày;</p> <p>Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến tài chính - ngân hàng; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn</p>
----	--	--

	<p>thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện bằng ngoại ngữ</p> <p>- <i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>Có năng lực phát hiện và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý, giải quyết các vấn đề lớn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;</p> <p>Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;</p> <p>Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn;</p> <p>Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở trình độ tiến sĩ; tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>- <i>Thái độ:</i></p> <p>Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.</p> <p>Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.</p> <p>Biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia.</p> <p>Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tố chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc</p>
--	--

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>thủ của nghề nghiệp.</p> <p>Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chuẩn đầu ra về kiến thức:<p>Hiểu biết đầy đủ về thực trạng và xu hướng thay đổi của hoạt động kinh tế quốc gia và quốc tế.</p><p>Hiểu biết đầy đủ các công cụ, chỉ tiêu phân tích kinh tế chủ yếu.</p><p>Kiến thức nâng cao về tài chính- tiền tệ.</p><p>Kiến thức về ngân hàng trung ương và quản trị ngân hàng thương mại.</p><p>Kiến thức về tài chính quốc tế.</p><p>Kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p><p>Hiểu được các phương pháp lượng hoá và thống kê trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p><p>Kiến thức về quản lý tài chính trong doanh nghiệp nói chung và tài chính công ty đa quốc gia nói riêng.</p><p>Kiến thức về phân tích tài chính doanh nghiệp.</p><p>Kiến thức về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.</p><p>Kiến thức về phân tích và đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán.</p><p>Kiến thức về quản trị danh mục đầu tư</p>- Chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn<p>Có kỹ năng sử dụng toán học, các phương pháp lượng hoá và thống kê trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p><p>Có kỹ năng tự tìm hiểu và chủ động tuân thủ các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng cho công việc.</p><p>Có kỹ năng tìm hiểu và tổ chức thực thi các chính sách vĩ mô liên quan đến hoạt động</p>
--	---

	<p>tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng tư duy, phản biện, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách và kế hoạch cho các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng phân tích, lựa chọn và ra quyết định trong quản trị các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng.</p> <p>Có kỹ năng vận dụng và chủ động thực hiện các chế độ, các chuẩn mực, chính sách, quy định, luật pháp về quản lý kế toán, tài chính, thuế, bảo hiểm trong hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng thực hiện các công việc tài chính đặc thù của công ty đa quốc gia.</p> <p>Có kỹ năng lập dự báo và hoạch định tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng phân tích, đánh giá dự án đầu tư, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định lựa chọn dự án đầu tư.</p> <p>Có kỹ năng lập và phân tích các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản trị tài chính doanh nghiệp</p> <p>Có kỹ năng xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và kiểm soát rủi ro tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Có kỹ năng phân tích và ra quyết định đầu tư chứng khoán.</p> <p>Có kỹ năng quản trị danh mục đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none">- Chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm <p>Có kỹ năng tiếp cận các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo.</p> <p>Có kỹ năng viết và trình bày về một vấn đề khoa học trọn vẹn.</p>
--	--

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>Có kỹ năng vận dụng quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo.</p> <p>Có kỹ năng phân tích định lượng, thống kê thông qua việc ứng dụng các phần mềm phân tích kinh tế lượng, thống kê và, toán.</p> <p>Có kỹ năng ngoại ngữ nói chung và ngoại ngữ chuyên ngành nói riêng tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>Có kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo thuộc ngành đào tạo.</p> <p>Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề toàn diện và khoa học.</p> <p>Có kỹ năng đánh giá và phản biện vấn đề trên cơ sở khoa học với các luận cứ chắc chắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu về thái độ:</i> <p>Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.</p> <p>Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.</p> <p>Biết xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia.</p> <p>Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.</p> <p>Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Các chế độ chính sách cho học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các học viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. - Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. - Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Thời gian đào tạo: 2 năm ➤ Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp. - Có khả năng tiếp cận với quy định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận. - Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên cơ quan thanh tra giám sát, chuyên viên nghiên cứu, xây dựng chính sách tiền tệ và các chính sách khác về tiền tệ ngân hàng tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam. - Chuyên viên tài chính- ngân hàng: Quản lý tín dụng, Quản lý tài sản- nợ, Quản lý tài chính, Quản lý rủi ro, Quản lý danh mục đầu tư... - Chuyên viên quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. - Chuyên viên kinh doanh chứng khoán. - Chuyên viên quản lý quỹ. - Nghiên cứu viên và Giảng viên

B. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

STT	Nội dung	Trình độ đại học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Theo Đề án tuyển sinh của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, trong đó:</p> <p>a. Đại học chính quy</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước ➢ Phương thức tuyển sinh <p>Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển thẳng (phương thức 1), xét tuyển trên cơ sở kết quả thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia (phương thức 2) và xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông (phương thức 3).</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Chỉ tiêu tuyển sinh: 800 ➢ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: <ul style="list-style-type: none"> ○ Phương thức 1: Xét tuyển thẳng đối với những thí sinh thuộc các đối tượng được quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành đào tạo giáo viên năm 2021. ○ Phương thức 2 - Đối với xét tuyển trên cơ sở kết quả thi THPT <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và có kết quả thi theo các tổ hợp môn thi áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Trường quy định. ○ Phương thức 3 - Đối với xét kết quả học tập THPT hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ 18.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực). ➢ Tổ hợp xét tuyển: <ul style="list-style-type: none"> - Ngành Kinh tế: A00, A01, D01, C04 - Ngành Tài chính-Ngân hàng: A00, A01, D01, C14

		<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Quản trị kinh doanh: A00, A01, D01, C04 - Ngành Kế toán: A00, A01, D01, C03 - Ngành Kiểm toán: A00, A01, D01, C03 - Ngành Kinh doanh quốc tế: A00, A01, D01, C14 - Ngành Hệ thống thông tin quản lý: A00, A01, D01, C01 <p>b. Đại học vừa làm vừa học</p> <p>➤ Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước</p> <p>➤ Phương thức tuyển sinh</p> <p>Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông bình quân 3 học kỳ (phương thức 1), Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập cả năm lớp 12 (phương thức 2), Xét kết quả các môn văn hóa THPT theo tổ hợp môn (áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT) (phương thức 3).</p> <p>➤ Chỉ tiêu tuyển sinh: 100</p> <p>➤ Nguồn đảm bảo chất lượng đầu vào:</p> <p><i>Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT hoặc tương đương:</i></p> <p>Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ 15.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).</p>
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung:</p> <p>Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.</p>

➤ Mục tiêu cụ thể:

- *Kiến thức:*

+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):

(1) Có các kiến thức về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực KHCB và KHXH phù hợp để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

(2) Có kiến thức về công tác giáo dục thể chất trong trường học; hiểu và vận dụng được nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.

(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới

(4) Có kiến thức và vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ Kiến thức chuyên ngành:

(5) Có kiến thức về luật kinh tế, kế toán và các kiến thức khác thuộc khối ngành Kinh doanh và quản lý nhằm hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và giúp chuyển đổi linh hoạt ngành học

(6) Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính của các

	<p>doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá</p> <p>(7) Có kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường</p> <p>(8) Có kiến thức về phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.</p> <p>(9) Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thuế như: am hiểu các vấn đề về lý thuyết thuế, các chính sách thuế, các luật thuế cụ thể; nắm chắc các quy trình quản lý thuế của cơ quan thuế, các quy định về lập hồ sơ khai thuế; các kiến thức liên quan để quy trình hạch toán kế toán thuế.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(10) Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá..;</p> <p>(11) Vận dụng kiến thức lý luận hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá..;</p> <p>(12) Nhận định, tổng hợp và lập kế hoạch hoạt động tài chính và ngân hàng;</p> <p>(13) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá...</p> <p>(14) Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá...</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(15) Có phong cách làm việc chủ động, chuyên nghiệp..</p> <p>(16) Tham gia và quản trị nhóm, ra quyết định</p>
--	---

		<p>trong công việc và các hoạt động khác</p> <p>(17) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc</p> <p>(18) Ứng dụng tốt ngoại ngữ trong công việc</p> <p>(19) Ứng dụng tốt tin học trong công việc</p> <p>- <i>Yêu cầu về năng lực tư chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>(20) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>(21) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp</p> <p>(22) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.</p> <p>(23) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Tài chính – Ngân hàng: Cuộc thi Sắc màu Tài chính, Tri ân thầy cô, Tọa đàm nghệ Ngân hàng, Giải bóng đá

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính-Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương; - Chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính-Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian; - Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh-quản lý và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): <ul style="list-style-type: none"> (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh,
----	--	--

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.

(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh;

- Kiến thức chuyên ngành:

(5) Có kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, tài chính – kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

(6) Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, các phương thức xây dựng và quảng bá thương hiệu, những kiến thức về thị trường du lịch, tổ chức quản lý của một bộ phận cũng như của một doanh nghiệp du lịch.

(7) Có kiến thức về các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của quản trị, lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân

	<p>phối sản phẩm, quản trị khách sạn, các sự kiện du lịch, ...</p> <p>(8) Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; phân tích, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm tra việc thi hành chiến lược Marketing, nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(9) Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh;</p> <p>(10) Kỹ năng lập kế hoạch quản trị kinh doanh như: Kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch bán hàng, kế hoạch nhân sự, kế hoạch marketing, tổ chức tour...;</p> <p>(11) Kỹ năng tổ chức công việc, tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ;</p> <p>(12) Kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm,...;</p> <p>(15) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ,</p>
--	---

		<p>phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i> <ul style="list-style-type: none"> (18) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp. (19) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. (20) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. (21) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Quản trị kinh doanh tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu trường Quản trị - Gala Sinh viên tri ân thầy cô - Giải bóng đá nam, nữ - FBA Couple - Nhà Quản trị tương lai

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

NGÀNH KẾ TOÁN

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): <ul style="list-style-type: none"> (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt
----	--	---

	<p>Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính - tiền tệ, thống kê, thuế; hiểu biết cơ bản về một số ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, v.v.... Năm được các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, marketing, kế hoạch tài chính, ... của doanh nghiệp;</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Năm vững phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin, phân tích báo cáo tài chính đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của luật pháp.</p> <p>(6) Biết cách thiết kế, phân tích và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định quản trị, điều hành doanh nghiệp hiệu quả.</p> <p>(7) Năm vững kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức quy trình kế toán; tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và các đơn vị HCSN.</p> <p>(8) Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng</p>
--	--

	<p>yêu cầu của chuyên môn kế toán (Phần mềm tin học văn phòng, phần mềm kế toán, ...).</p> <p>(9) Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(10) Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp. Có kiến thức thực tiễn về kế toán, kiểm toán, tiếp cận và hoàn thành tốt các vị trí công việc được phân công;</p> <p>(11) Kỹ năng lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; kỹ năng lập tờ khai thuế và báo cáo thuế.</p> <p>(12) Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp;</p> <p>(13) Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp;</p> <p>(14) Có kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;</p> <p>(15) Có kỹ năng lập, kê khai, quyết toán thuế trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;</p> <p>(16) Có kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính, phân tích kinh doanh.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p>
--	---

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>(17) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(18) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...</p> <p>(19) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p> <p>(20) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.</p> <p>(21) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <p>- <i>Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>(22) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(23) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(24) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(25) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tình thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ

1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:

	trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <ol style="list-style-type: none"> 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kế toán: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Cuộc thi SV Kế toán - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ, riêng chuyên ngành Kế toán- Tin là 129 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm

		<p>kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.
--	--	--

NGÀNH KIỂM TOÁN		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán-kiểm toán; thiết kế và điều hành hệ thống kiểm toán trong các đơn vị kiểm toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bồi sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Kiến thức:</i> - Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): <ul style="list-style-type: none"> (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ. (2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông. (3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. (4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh;

	<p>- Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Có kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.</p> <p>(6) Phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp</p> <p>(7) Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị kiểm toán.</p> <p>(8) Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán kiểm toán, quy trình kế toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.</p> <p>(9) Có thể phân tích sơ bộ được báo cáo tài chính, phân tích chuyên sâu một số các chỉ tiêu của báo cáo tài chính, và thực hành kiểm toán một số phần hành kiểm toán cơ bản trong quy trình kiểm toán Báo cáo tài chính;</p> <p>(10) Kiến thức về cỗ chức công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra kế toán, kiến thức về phân tích và quản trị tài chính, có khả năng học tập nâng cao cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán , kiểm toán.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(11) Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp; lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp.</p> <p>(12) Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp; kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán;</p> <p>(13) Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo các doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp;</p> <p>(14) Kỹ năng thực hành kiểm toán báo cáo tài chính ở các phần hành cơ bản tương đương cấp độ</p>
--	---

trợ lý kiểm toán cấp 1;

(15) Kỹ năng điều tra chọn mẫu; kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính, kỹ năng kiểm tra phát hiện sai phạm, kỹ năng tư vấn;

+ Kỹ năng mềm

(16) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

(17) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, ...

(18) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...

(19) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.

(20) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

(21) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.

(22) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.

(23) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.

(24) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tình thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống.

➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin

		học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quân sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kế toán: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Cuộc thi SV kế toán - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.

VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán Nhà nước; - Kiểm soát viên, kiểm toán viên nội bộ, nhân viên quản lý tài chính ở các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp và các cơ quan tổ chức; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán-kiểm toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán-kiểm toán.
----	-------------------------------	--

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức, kỹ năng trong kinh doanh quốc tế. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các kiến thức vào trong công việc, tự tin trong giao tiếp, giải quyết vấn đề, tham gia hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh trên thị trường quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của các tổ chức và các doanh nghiệp; có cơ hội học tiếp các chương trình sau đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): <ul style="list-style-type: none"> (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ. (2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và

	cầu lông. (3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật độ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. (4) Kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật về kinh tế, tài chính, kế toán và marketing liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Kiến thức chuyên ngành: (5) Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các loại hình công ty nói chung và công ty đa quốc gia, công ty có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng. (6) Có kiến thức sâu rộng về thị trường quốc tế, kinh doanh quốc tế, mạng sản xuất toàn cầu và chuỗi cung ứng quốc tế. (7) Có kiến thức về hoạch định, tổ chức và quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế và tài chính trong các công ty đa quốc gia; các hoạt động logistic trong ngoại thương. (8) Nắm vững kiến thức về vận tải quốc tế; am hiểu văn hóa đa quốc gia, các loại hình buôn bán quốc tế và đầu tư; có kiến thức về quản trị chiến lược, khởi sự kinh doanh. (9) Hiểu biết về nghiệp vụ ngoại thương, kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh quốc tế; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong đàm phán, ký kết hợp đồng và xúc tiến đầu tư thương mại quốc tế. - Kỹ năng: + Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp) (10) Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin; ứng dụng trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistic, nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế, và đề xuất được các giải pháp về chính sách ngoại thương.
--	---

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

(11) Kỹ năng hoạch định, chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp.

(12) Kỹ năng nghiên cứu và đánh giá các thị trường và lập các chương trình marketing quốc tế của doanh nghiệp.

(13) Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa.

(14) Kỹ năng lập báo cáo, trình diễn và truyền thông thương mại quốc tế.

+ Kỹ năng mềm

(15) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

(16) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm,...

(17) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc

(18) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.

(19) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

(20) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.

(21) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.

(22) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.

(23) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

➢ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin

		học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chính sách cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. 2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 5. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thương mại quốc tế, ngành Kinh doanh quốc tế, có khả

		năng làm việc tốt ở các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của các loại hình doanh nghiệp; các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận; các bộ phận có liên quan đến quản lý thị trường và thương mại quốc tế ở các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; bộ phận nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng khối kinh tế, kinh doanh quốc tế và quản trị kinh doanh
--	--	--

NGÀNH KINH TẾ		
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật kinh tế; quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế, quản lý các tổ chức có hoạt động kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Kiến thức:</i> - Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản): <ul style="list-style-type: none"> (1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ. (2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.

		<p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiến thức chuyên ngành: <p>(5) Có kiến thức chuyên sâu về lý luận của kinh tế thị trường.</p> <p>(6) Kiến thức về phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế.</p> <p>(7) Kiến thức về quản lý phát triển kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương</p> <p>(8) Kiến thức về kinh tế và quản lý của một số lĩnh vực tiêu biểu như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, đầu tư ...</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Kỹ năng:</i> <ul style="list-style-type: none">+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp) <p>(9) Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế.</p> <p>(10) Kỹ năng quản lý theo quá trình quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.</p> <p>(11) Kỹ năng nghiên cứu và dự báo; phân tích quyết định và sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại cho các nhà quản lý.</p> <p>(12) Có kỹ năng sử dụng các phương pháp phân tích định tính và định lượng và lựa chọn các mô hình kinh tế để xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học cho đánh giá và đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế của tổ chức, ngành hay cơ quan quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none">+ Kỹ năng mềm <p>(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc</p>
--	--	--

		<p>chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm;</p> <p>(15) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <p>- <i>Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>(18) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>(19) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.</p> <p>(20) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.</p> <p>(21) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p>➢ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>6. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>7. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc</p>

		tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín 8. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên. 9. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ 10. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế: - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc ở các vị trí quản lý, nghiên cứu và tư vấn trong các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, giảng viên các trường đại học và cao đẳng; nhân viên tư vấn cho các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ; tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội;
----	--	---

năm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu, cập nhật về hệ thống thông tin; có khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc; có đủ năng lực tổ chức hệ thống thông tin để giải quyết vấn đề và tạo ra những cơ hội mới trong quản lý và quản trị kinh doanh.

➤ **Mục tiêu cụ thể:**

- *Kiến thức:*

+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):

(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.

(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

(4) Kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại;.

+ Kiến thức chuyên ngành:

(5) Kiến thức rộng và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong công nghệ thông tin.

(6) Kiến thức về các hệ thống thông tin trong tổ

		<p>chức, doanh nghiệp; các phương pháp định lượng trong quản lý, cơ sở dữ liệu trong phân tích kinh doanh.</p> <p>(7) Kiến thức về lập trình cơ bản, tạo lập và thiết kế web, vận dụng được công nghệ Internet, kiến trúc ứng dụng web cũng như sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng Internet.</p> <p>(8) Có kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống mạng và các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh của các công ty, tổ chức.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(9) Có kỹ năng xác định, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh bằng hệ thống thông tin quản lý.</p> <p>(10) Có kỹ năng về thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống quản lý, hệ thống thông tin quản lý trong quản lý và kinh doanh.</p> <p>(11) Kỹ năng lập phương án tổ chức hệ thống thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>(12) Kỹ năng tổ chức lưu trữ, xử lý, khai thác và phân phối thông tin phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>(13) Kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính của doanh nghiệp;</p> <p>(14) Kỹ năng chuyển giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản lý và kinh doanh;</p> <p>(15) Kỹ năng thiết kế Web phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(16) Có phong cách làm việc chủ động, chuyên nghiệp.</p> <p>(17) Tham gia và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác;</p> <p>(18) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề</p>
--	--	---

	III Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>và giải quyết công việc;</p> <p>(19) Ứng dụng tốt ngoại ngữ trong công việc.</p> <p>(20) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <p>- <i>Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>(21) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>(22) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.</p> <p>(23) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.</p> <p>(24) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p> <p>11. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">- Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách.- Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập- Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt- Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự- Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>12. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>13. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>14. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>15. Hoạt động của Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức.- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các
--	---	--

		chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: 4 năm - Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-an ninh (<i>có quy định riêng</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin; làm chuyên gia tư vấn về hệ thống thông tin trong các tổ chức, các công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp; làm quản lý hay chuyên gia hệ thống thông tin trong các công ty tin học, trung tâm thông tin hay công ty môi giới thông tin; làm giảng viên hệ thống thông tin quản lý trong các trường đại học.

C. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG

STT	Nội dung	Trình độ đại học liên thông
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Theo Đề án tuyển sinh của Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đối với hệ liên thông chính quy - Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước - Phương thức tuyển sinh - Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập THPT hoặc tương đương (như phương thức 3 của xét tuyển đại học hệ chính quy). - Xét tuyển trên cơ sở kết quả kỳ thi tuyển sinh riêng của trường - phương thức này áp dụng cho thí sinh đăng ký dự thi liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học. - Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập ở bậc đại

học: Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung (ĐTBC) toàn khóa học - phương thức này áp dụng cho thí sinh đăng ký xét tuyển liên thông đã có bằng đại học..

- **Chỉ tiêu tuyển sinh: 160**

- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

- **Đối tượng:** Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (Khối ngành III).
- **Đối với xét kết quả học tập lớp 12 THPT:** Tổng điểm cả năm lớp 12 của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường đạt từ 18,0 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực).

Tổ hợp xét tuyển:

- Ngành Tài chính – Ngân hàng: A00, A01, D01, C14.
- Ngành Quản trị kinh doanh: A00, A01, D01, C04.
- Ngành Kế toán: A00, A01, D01, C03
- **Đối với thi tuyển sinh:** Tổng điểm 3 môn thi tuyển phải đạt từ 15 điểm trở lên, không môn nào dưới 5.
- **Nguyên tắc xét tuyển:** Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.

b. Đối với hệ liên thông vừa làm vừa học

- **Phương thức tuyển sinh**

- Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập THPT hoặc tương đương (như phương thức 3 của xét tuyển đại học hệ chính quy) - phương thức này áp dụng cho thí sinh đăng ký xét tuyển liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học.
- Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập ở bậc đại học: Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung toàn khóa học - phương thức này áp dụng cho thí sinh đăng ký xét tuyển liên thông đã có bằng đại học.

	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu tuyển sinh: 200 - Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào - Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (Khối ngành III). - Xét tuyển theo kết quả học tập THPT và tương đương: Tổng điểm xét tuyển của 3 môn học thuộc một trong các tổ hợp môn học áp dụng cho xét tuyển các ngành đào tạo của Trường theo cả 3 hình thức phải đạt từ 15.00 điểm trở lên (bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực). - Xét tuyển theo kết quả học tập ở bậc đại học: Điểm TBCTL toàn khóa học đạt từ 2,00 điểm (thang điểm 4) hoặc đạt từ 5.00 (thang điểm 10) trở lên.
A	NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
II	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Có các kiến thức về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực KHCB và KHXH phù hợp để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Có kiến thức về công tác giáo dục thể chất trong trường học; hiểu và vận dụng được nguyên lý kỹ thuật của các môn điện kính, bóng rổ, bóng</p>

	<p>chuyên và câu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật độ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới</p> <p>(4) Có kiến thức và vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Có kiến thức về luật kinh tế, kế toán và các kiến thức khác thuộc khối ngành Kinh doanh và quản lý nhằm hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và giúp chuyển đổi linh hoạt ngành học</p> <p>(6) Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực Nhà nước, hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, hoạt động thẩm định giá</p> <p>(7) Có kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường</p> <p>(8) Có kiến thức về phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.</p> <p>(9) Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thuế như: am hiểu các vấn đề về lý thuyết thuế, các chính sách thuế, các luật thuế cụ thể; nắm chắc các quy trình quản lý thuế của cơ quan thuế, các quy định về lập hồ sơ khai thuế; các kiến</p>
--	--

	<p>thức liên quan để quy trình hạch toán kê toán thuế.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(10) Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá..;</p> <p>(11) Vận dụng kiến thức lý luận hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá..;</p> <p>(12) Nhận định, tổng hợp và lập kế hoạch hoạt động tài chính và ngân hàng;</p> <p>(13) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá...</p> <p>(14) Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, thuế, thẩm định giá...</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(15) Có phong cách làm việc chủ động, chuyên nghiệp..</p> <p>(16) Tham gia và quản trị nhóm, ra quyết định trong công việc và các hoạt động khác</p> <p>(17) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc</p> <p>(18) Ứng dụng tốt ngoại ngữ trong công việc</p> <p>(19) Ứng dụng tốt tin học trong công việc</p> <p>- <i>Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>(20) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>(21) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp</p> <p>(22) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.</p> <p>(23) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu</p>
--	---

		<p>trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của Khoa Tài chính – Ngân hàng: Cuộc thi Sắc màu Tài chính, Tri ân thầy cô, Tọa đàm nghệ Ngân hàng, Giải bóng đá
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: - Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học: 2.5 năm - Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 1.5 năm. - Các học phần được miễn, phải tích lũy bổ sung theo quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu

		cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính-Ngân hàng từ Trung ương đến địa phương; - Chuyên viên trong các doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính-Ngân hàng và các định chế tài chính trung gian; - Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh doanh-quản lý và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác
A	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bồi sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự</p>

	<p>của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, kế toán và quản trị kinh doanh;</p> <p>- <i>Kiến thức chuyên ngành:</i></p> <p>(5) Có kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, tài chính – kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>(6) Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, các phương thức xây dựng và quảng bá thương hiệu, những kiến thức về thị trường du lịch, tổ chức quản lý của một bộ phận cũng như của một doanh nghiệp du lịch.</p> <p>(7) Có kiến thức về các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, các nguyên lý của quản trị, lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm, quản trị khách sạn, các sự kiện du lịch, ...</p> <p>(8) Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; phân tích, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm tra việc thi hành chiến lược Marketing, nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p> <p>(9) Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo</p>
--	---

	<p>phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh;</p> <p>(10) Kỹ năng lập kế hoạch quản trị kinh doanh như: Kế hoạch sản xuất, kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch bán hàng, kế hoạch nhân sự, kế hoạch marketing, tổ chức tour...;</p> <p>(11) Kỹ năng tổ chức công việc, tổ chức bộ máy và tổ chức nhân sự để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ;</p> <p>(12) Kỹ năng tư vấn kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị hoặc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(13) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(14) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm,...;</p> <p>(15) Chủ động trong giao tiếp, truyền đạt vấn đề và giải quyết công việc</p> <p>(16) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.</p> <p>(17) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <p>- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>(18) Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>(19) Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.</p> <p>(20) Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp.</p> <p>(21) Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p>
--	---

		<p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>2. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>3. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>4. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>5. Hoạt động của Quản trị kinh doanh tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu trường Quản trị - Gala Sinh viên tri ân thầy cô - Giải bóng đá nam, nữ - FBA Couple - Nhà Quản trị tương lai
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: - Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học: 2.5 năm - Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 1.5 năm. - Các học phần được miễn, phải tích lũy bổ sung theo quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu

		cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về quản trị kinh doanh tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.
A	NGÀNH KẾ TOÁN	
II	Mục tiêu kiến thức, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>➤ Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.</p> <p>➤ Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ Kiến thức chung (khối kiến thức cơ bản):</p> <p>(1) Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học xã hội phù hợp với chuyên ngành đào tạo để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.</p> <p>(2) Hiểu rõ ý nghĩa, tác dụng của công tác giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật của các môn điền kinh, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông.</p> <p>(3) Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan</p>

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật độ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p> <p>(4) Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính - tiền tệ, thống kê, thuế; hiểu biết cơ bản về một số ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, v.v.... Năm được các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, marketing, kế hoạch tài chính, ... của doanh nghiệp;</p> <p>+ Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>(5) Năm vững phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin, phân tích báo cáo tài chính đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của luật pháp.</p> <p>(6) Biết cách thiết kế, phân tích và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định quản trị, điều hành doanh nghiệp hiệu quả.</p> <p>(7) Năm vững kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức quy trình kế toán; tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và các đơn vị HCSN.</p> <p>(8) Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kế toán (Phần mềm tin học văn phòng, phần mềm kế toán, ...).</p> <p>(9) Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; có thể lập và phân tích được báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính; tham gia phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng cứng (kỹ năng nghề nghiệp)</p>
--	---

	<p>(10) Kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp. Có kiến thức thực tiễn về kế toán, kiểm toán, tiếp cận và hoàn thành tốt các vị trí công việc được phân công;</p> <p>(11) Kỹ năng lập các báo cáo kế toán tài chính, báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp; kỹ năng lập tờ khai thuế và báo cáo thuế.</p> <p>(12) Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp;</p> <p>(13) Kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, tư vấn cho các lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực kế toán và tham gia xây dựng mô hình chung về tổ chức hạch toán ở doanh nghiệp;</p> <p>(14) Có kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;</p> <p>(15) Có kỹ năng lập, kê khai, quyết toán thuế trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;</p> <p>(16) Có kỹ năng lập và phân tích dự toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, phân tích tài chính, phân tích kinh doanh.</p> <p>+ Kỹ năng mềm</p> <p>(17) Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động trong tổ chức; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.</p> <p>(18) Có kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...</p> <p>(19) Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, ...</p>
--	---

Biểu mẫu 17

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>(20) Có kỹ năng sử dụng Tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp, học tập, công việc, nghiên cứu.</p> <p>(21) Sử dụng thành thạo, hiệu quả các công cụ, phần mềm tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</p> <p>- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>(22) Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác.</p> <p>(23) Năng động, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng sáng tạo trong công việc.</p> <p>(24) Có trách nhiệm với công việc được giao, chủ động, sáng tạo và có ý thức quan tâm đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân và đơn vị công tác.</p> <p>(25) Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân, có tình thần cộng đồng, tập thể, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của chuyên ngành quản lý hệ thống thông tin quản lý trong cộng đồng để nâng cao giá trị của cuộc sống</p> <p>➤ Chuẩn đầu ra: Đạt trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>6. Các chế độ chính sách cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. - Hỗ trợ sinh viên vay vốn học tập - Trao học bổng cho các sinh viên đạt thành tích học tập tốt - Xác nhận sinh viên xin làm thủ tục xin hoãn nghĩa vụ quan sự - Giới thiệu các sinh viên ưu tú, có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động vào hàng ngũ của Đảng. <p>7. Giới thiệu sinh viên đến thực tập và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có uy tín</p> <p>8. Cung cấp chỗ ở ký túc xá cho sinh viên.</p> <p>9. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động</p>

		<p>của Đoàn thể, các câu lạc bộ</p> <p>10. Hoạt động của Khoa Kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia các chương trình trải nghiệm thực tế do Khoa tổ chức. - Tổ chức trao đổi kinh nghiệm thực tế giữa các chuyên gia và các nhà quản lý trực tiếp với sinh viên.
IV	Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đào tạo: - Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học: 2.5 năm - Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 1.5 năm. - Các học phần được miễn, phải tích lũy bổ sung theo quy định xét miễn học, tích lũy bắt buộc và tích lũy bổ sung các học phần đối với sinh viên liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học các ngành thuộc khối kinh tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong, ngoài nước và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác. - Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của vị trí công việc đảm nhiệm.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; - Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; - Cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kế toán tại các trường, viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BIỂU MẪU 18
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
Năm học 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số ~~17~~ /TB-DHTCQTKD ngày ~~01~~ tháng ~~11~~ năm 2021)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại		
		Thạc sĩ	Đại học	
			Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Khối ngành I	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0
3	Khối ngành III	125	2.530	61
4	Khối ngành IV	0	0	0
5	Khối ngành V	0	0	0
6	Khối ngành VI	0	0	0
7	Khối ngành VII	0	20	0

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

I. Trình độ thạc sĩ

STT	Khối ngành	Số học viên tốt nghiệp
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	37
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

II. Trình độ đại học

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Khối ngành I						
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III	407	14	66	303	24	92,91%
4	Khối ngành IV						
5	Khối ngành V						
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII						

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Trình độ đào tạo Thạc sĩ

CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
KHÓI KIẾN THỨC CHUNG		6		
1	Triết học nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
2	Phương pháp nghiên cứu KH	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
KHÓI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH		42		
Kiến thức cơ sở của ngành và chuyên ngành		15		
3	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
4	Lý thuyết tài chính-tiền tệ nâng cao	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
5	Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Các học phần tự chọn		6		
6	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	Kỳ II	Điểm QT: 20%

				Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
7	Chính sách công	3	Kỳ I	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Kiến thức chuyên ngành		27		
Các học phần bắt buộc		15		
STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Tài chính quốc tế	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
9	Quản trị rủi ro tài chính	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
10	Tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
11	Quản trị ngân hàng thương mại	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
12	Quản lý tài chính công	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
Các học phần tự chọn		12		
13	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
14	Công cụ phái sinh	3	Kỳ II	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
15	Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
16	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	Kỳ III	Điểm QT: 20% Điểm KT: 30% Đề án MH: 50%
17	Luận văn Thạc sĩ	12	Kỳ IV	Luận văn: 100%
	Tổng	60		

II. Trình độ đào tạo Đại học chính quy

1. Ngành Tài chính – Ngân hàng

a) Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	

5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001092	Tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
6	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	001440	Tài chính doanh nghiệp HP2	3	2	1	
2	001452	Tài chính doanh nghiệp HP3	3	2	1	
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
5	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	1	1	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Bổ trợ			25			
Học phần bắt buộc			20			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004304	Tin học ứng dụng trong tài chính	3	2	1	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
5	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010011	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Ngân hàng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			13			
Học phần bắt buộc			13			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001400	Bảo hiểm	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
2	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
3	001183	Quản trị kinh doanh ngân hàng	2	2	0	
4	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	3	0	
5	001410	Kế toán ngân hàng thương mại HP1	3	3	0	
6	001503	Kế toán ngân hàng thương mại HP2	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	001192	Hệ thống thông tin ngân hàng	2	1	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	005142	Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	010012	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	127			

c) Chuyên ngành Thẩm định giá

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			13			
Học phần bắt buộc			13			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
3	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	005062	Nguyên lý hình thành giá	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	0	
2	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2	2	0	
3	005142	Thẩm định giá bất động sản	3	3	0	
4	005152	Thẩm định giá máy móc thiết bị	2	2	0	
5	005162	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	3	0	
6	005172	Thẩm định giá tài sản sở hữu trí tuệ	2	2	0	
7	005180	Định giá xây dựng	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
8	009100	Pháp luật về định giá và thẩm định giá	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	005090	Địa lý kinh tế	2	2	0	
6	005110	Hệ thống thông tin đất	2	2	0	
7	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
2	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
3	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10	10	0	
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	0110051	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
	Tổng số tín		127			

d) Chuyên ngành Thuế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			12			
Học phần bắt buộc			12			
1	001342	Tài chính - Tiền tệ HP2	2	2	0	
2	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001282	Lý thuyết về thuế	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
6	001382	Thuế tiêu dùng	3	3	0	
5	001372	Thuế thu nhập	3	3	0	
4	001362	Thuế tài sản và các khoản thu khác	3	3	0	
2	001292	Quản lý thuế HP1	3	3	0	
3	001302	Quản lý thuế HP2	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	001072	Hải quan	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			26			
Học phần bắt buộc			21			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
4	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	005072	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001501	Tín dụng khách hàng cá nhân	2	2	0	
2	005130	Thẩm định dự án đầu tư	2	2	0	
3	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
4	001502	Tín dụng khách hàng doanh nghiệp	3	2	1	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010013	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	127			

2. Ngành Quản trị kinh doanh

a) Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003192	Quản trị sản xuất	3	3	0	
2	003310	Quản trị marketing	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
3	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
4	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
5	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
6	003404	Quản trị doanh nghiệp thương mại	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			22			
Học phần bắt buộc			17			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	009140	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2	2	0	
4	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
5	003240	Quản trị văn phòng	2	2	0	
6	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	003406	Quản trị giá	2	2	0	
2	005082	Kinh doanh bất động sản	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010031	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	127			

b) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006080	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003401	Đại cương khoa học và du lịch	3	3	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	003409	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	003408	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3	0	
3	003411	Quản trị TOUR	3	3	0	
4	003415	Quản trị marketing du lịch và khách sạn	3	3	0	
5	003416	Thực hành quản trị kinh doanh du lịch	3	0	3	
Khối kiến thức: Bổ trợ			23			
Học phần bắt buộc			18			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	003402	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	0	
4	007080	Tiếng Anh du lịch và khách sạn	3	3	0	
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
6	003414	Quy hoạch và chính sách du lịch	3	3	0	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	003406	Quản trị giá	2	2	0	
2	001504	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
4	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
5	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010032	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	127			

c) Chuyên ngành Quản trị Marketing

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006080	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	003420	Nghiên cứu marketing	3	3	0	
2	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
3	003322	Quản trị nhân lực	3	3	0	
4	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	003407	Quản trị kênh phân phối	3	3	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
2	003403	Quản trị bán hàng	3	3	0	
3	003412	Quản trị thương hiệu	3	3	0	
4	003421	Truyền thông Marketing tích hợp	3	3	0	
5	003406	Quản trị giá	2	2	0	
6	003413	Quản trị và phát triển sản phẩm mới	2	2	0	
7	003419	Marketing trên internet	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	
4	003417	Marketing khách hàng tổ chức	2	2	0	
5	003060	Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	
6	009240	Kinh tế quốc tế	2	2		
Học phần tự chọn			5			
1	003240	Quản trị văn phòng	2	2	0	
2	003422	Tổ chức sự kiện	2	2	0	
3	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
4	003418	Marketing quốc tế	3	3	0	
5	001350	Thuế	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010033	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	127			

3. Ngành Kế toán

a) Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	

6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	1	1	
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	1	2	
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	
5	002301	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
7	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	2	0	
3	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
4	002305	Kiểm toán tài chính	3	3	0	
5	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010021	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Kế toán công

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	002162	Kế toán hành chính sự nghiệp HP1	3	3	0	
2	002172	Kế toán hành chính sự nghiệp HP2	2	2	0	
3	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
4	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3	3	0	
5	002082	Kế toán máy trong đơn vị HCSN	2	1	1	
6	002282	Tổ chức công tác kế toán HCSN	2	2	0	
7	002230	Thực hành kế toán HCSN	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			24			
Học phần bắt buộc			19			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
4	001200	Nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước	2	2	0	
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
7	002232	Phân tích tài chính HCSN	2	2	0	
8	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
4	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
5	002305	Kiểm toán tài chính	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010022	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

c) Chuyên ngành Kế toán tin

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	003301	Quản trị học	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
5	004305	Lập trình windows form	3	2	1	
6	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			20			
Học phần bắt buộc			20			
1	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
3	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	2	0	
5	002240	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	1	2	
6	004182	Cơ sở dữ liệu HP2	3	2	1	
7	004152	Lập trình kế toán	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			19			
Học phần bắt buộc			14			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	004202	Hệ thống thông tin tài chính kế toán	3	3	0	
4	001350	Thuế	3	3	0	
5	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Học phần tự chọn			5			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	004250	Internet và thương mại điện tử	2	2	0	
3	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	2	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010023	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	129			

4. Ngành Kiểm toán

a) Chuyên ngành Kiểm toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			15			
Học phần bắt buộc			15			
1	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
2	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
5	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
3	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
2	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
4	002302	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
6	002052	Kiểm toán căn bản	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	002212	Kiểm toán tài chính HP1	3	3	0	
2	002222	Kiểm toán tài chính HP2	3	3	0	
3	002202	Kiểm toán hoạt động	3	3	0	
4	002304	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	2	2	0	
5	002192	Kiểm soát quản lý	2	2	0	
6	002242	Tổ chức quá trình kiểm toán BCTC	2	2	0	
7	002280	Thực hành kiểm toán	3	1	2	
Khối kiến thức: Bổ trợ			23			
Học phần bắt buộc			18			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	001460	Tài chính hành chính sự nghiệp	3	3	0	
4	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
5	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
6	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
Học phần tự chọn			5			
1	002182	Kế toán ngân sách xã	2	2	0	
2	001380	Hướng dẫn kê khai thuế	2	1	1	
3	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
4	001390	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3	0	
5	002102	Kế toán NSNN và nghiệp vụ Kho bạc	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010061	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

5. Ngành Kinh tế

a) Chuyên ngành Quản lý kinh tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
1	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009011	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0	
2	009021	Kinh tế học vĩ mô 1	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			16			
Học phần bắt buộc			16			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	009012	Kinh tế học vi mô 2	2	2	0	
3	009022	Kinh tế học vĩ mô 2	2	2	0	
4	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
5	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
6	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
7	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			19			
Học phần bắt buộc			19			
1	009033	Quản lý học	3	3	0	
2	009082	Quản lý nhà nước và kinh tế	3	3	0	
3	009032	Chính sách kinh tế	3	3	0	
4	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
5	009042	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3	0	
6	009083	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2	2	0	
7	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	009031	Chiến lược và kế hoạch phát triển	3	3	0	
5	003053	Thống kê kinh tế	2	2	0	
6	009053	Luật hành chính	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
2	005120	Quy hoạch sử dụng đất	2	2	0	
3	001432	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	3	0	
4	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
5	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010071	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

b) Chuyên ngành Kinh tế - Luật

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2	2	0	
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009054	Luật kinh tế HP1	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	003053	Thông kê kinh tế	2	2	0	
3	003251	Nguyên lý thống kê	3	3	0	
4	009230	Kinh tế phát triển	3	3	0	
5	009080	Kinh tế công cộng	2	2	0	
6	009041	Kinh tế đầu tư	2	2	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			23			
Học phần bắt buộc			23			
1	009033	Quản lý học	3	3	0	
2	009082	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	3	0	
3	009032	Chính sách kinh tế	3	3	0	
4	009042	Kinh tế nguồn nhân lực	3	3	0	
5	009044	Kinh tế và quản lý môi trường	2	2	0	
6	009055	Luật kinh tế HP2	3	3	0	
7	009051	Luật cạnh tranh	3	3	0	
8	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			18			
Học phần bắt buộc			13			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001262	Quản lý tài chính công	2	2	0	
3	009031	Chiến lược và kế hoạch phát triển	3	3	0	
4	009072	Pháp luật môi trường - đất đai	3	3	0	
5	009053	Luật hành chính	2	2	0	
Học phần tự chọn			5			
1	001032	Thị trường chứng khoán	2	2	0	
2	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
3	001350	Thuế	3	3	0	
4	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
5	009052	Luật đầu tư - đầu thầu	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010072	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng số tín	127			

6. Ngành Kinh doanh quốc tế

Chuyên ngành Thương mại quốc tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	3	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
1	006090	Logic học	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
5	003301	Quản trị học	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009063	Đầu tư quốc tế	3	3	0	
2	003418	Marketing quốc tế	3	3	0	
3	003212	Khởi sự kinh doanh	3	3	0	
4	003272	Quản trị chiến lược	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	009043	Kinh tế thương mại	3	3	0	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009045	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP1	3	3	0	
2	009046	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương HP2	3	3	0	
3	009064	Đàm phán thương mại quốc tế	2	2	0	
4	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
5	009087	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3	3	0	
6	003084	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			21			
Học phần bắt buộc			16			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	001350	Thuế	3	3	0	
3	007090	Tiếng Anh thương mại quốc tế	3	3	0	
4	009085	Quản trị đa văn hóa	2	2	0	
5	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
6	009058	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	001065	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
2	009083	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2	2	0	
3	003262	Quản trị chất lượng	3	3	0	
4	002220	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
5	001312	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3	0	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp			10			
Học phần bắt buộc			10			
1	010081	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
Tổng số tín			127			

7. Ngành Hệ thống thông tin quản lý

a) Chuyên ngành Tin – Kế toán

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
7	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
8	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
9	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
10	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
11	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
12	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
2	006050	Xã hội học	2	2	0	
3	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	009222	Pháp luật kinh tế	3	3	0	
2	004291	Toán rời rạc	3	3	0	
3	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
4	003301	Quản trị học	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	
6	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			18			
Học phần bắt buộc			18			
1	004061	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	3	0	
2	004261	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
3	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
4	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
5	004182	Cơ sở dữ liệu HP2	3	2	1	
6	004303	Mạng máy tính và truyền thông	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			21			
Học phần bắt buộc			21			
1	004132	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
2	004305	Lập trình windows form	3	2	1	
3	004152	Lập trình kế toán	3	2	1	
4	004302	Lập trình web	3	2	1	
5	002260	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1	3	3	0	
6	002032	Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2	3	3	0	
7	004202	Hệ thống thông tin tài chính kế toán	3	3	0	
Khối kiến thức: Bổ trợ			16			
Học phần bắt buộc			11			
1	004280	Excel căn bản	3	2	1	
2	004142	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	1	1	
3	001322	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	
4	002270	Kế toán doanh nghiệp TM, DV và XL	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
2	004250	Internet và thương mại điện tử	2	2	0	
3	002083	Kế toán máy trong doanh nghiệp	3	2	1	
4	002306	Phân tích kế toán và báo cáo tài chính	2	1	1	
5	002122	Kế toán quản trị	3	3	0	
6	001242	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp						
Học phần bắt buộc			10			
1	011041	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng	127			

b) Chuyên ngành Công nghệ thương mại điện tử

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Đại cương			38			
Học phần bắt buộc			36			
1	006101	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	
2	006102	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	
3	006103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	006104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
5	006030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
6	004040	Tin học đại cương	3	2	1	
7	004301	Toán cao cấp	3	3	0	
8	004270	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	0	
9	004220	Mô hình toán kinh tế	2	2	0	
10	007040	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	
11	007050	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	
12	007070	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	
13	009200	Pháp luật đại cương	3	3	0	
14	009030	Soạn thảo văn bản	2	2	0	
Học phần tự chọn			2			
1	006050	Xã hội học	2	2	0	
2	006060	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	
3	006070	Khoa học giao tiếp	2	2	0	
Khối kiến thức: Cơ sở khối ngành			6			
Học phần bắt buộc			6			
1	009211	Kinh tế học vi mô	3	3	0	
2	009221	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	
Khối kiến thức: Cơ sở ngành			14			
Học phần bắt buộc			14			
1	009091	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0	
2	002011	Nguyên lý kế toán	3	3	0	
3	003301	Quản trị học	3	3	0	
4	005191	Marketing căn bản	3	3	0	
5	001330	Tài chính - Tiền tệ HP1	3	3	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín lý thuyết	Số tín thực hành	Ghi chú
Khối kiến thức: Ngành			17			
Học phần bắt buộc			17			
1	009057	Luật thương mại điện tử	3	3	0	
2	004092	Cơ sở lập trình	3	2	1	
3	009240	Kinh tế quốc tế	2	2	0	
4	004172	Cơ sở dữ liệu HP1	3	2	1	
5	004261	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	
6	004303	Mạng máy tính và truyền thông	3	2	1	
Khối kiến thức: Chuyên ngành			22			
Học phần bắt buộc			22			
1	004401	Phân tích thiết kế hệ thống TM điện tử	3	3	0	
2	004402	Xây dựng website thương mại điện tử	3	2	1	
3	003419	Marketing trên internet	2	2	0	
4	001065	Thanh toán quốc tế	2	2	0	
5	004302	Lập trình Web	3	2	1	
6	004306	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	
7	004403	An toàn và bảo mật trong TM điện tử	3	2	1	
8	004404	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3	2	1	
Khối kiến thức: Bổ trợ			20			
Học phần bắt buộc			15			
1	003281	Quản trị dự án	3	3	0	
2	007060	Tiếng Anh kinh tế	3	3	0	
3	004280	Excel căn bản	3	2	1	
4	003293	Quản trị Logistics kinh doanh	3	3	0	
5	003084	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	
Học phần tự chọn			5	5	0	
1	001471	Tài chính quốc tế	2	2	0	
2	003405	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	2	0	
3	003410	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0	
4	004405	Đồ họa Web và đa phương tiện	3	2	1	
5	004406	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	
Khối kiến thức: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp						
Học phần bắt buộc			10			

1	011043	Thực tập tốt nghiệp	10	10	0	
		Tổng	127			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do trường tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2019	
2	Giáo trình Kinh tế đầu tư	2019	
3	Giáo trình Kinh tế công cộng	2019	
4	Giáo trình Tài chính hành chính sự nghiệp	2019	
5	Giáo trình môn học Thống kê kinh tế	2020	
6	Giáo trình môn học Soạn thảo văn bản (Chỉnh sửa)	2021	
7	Giáo trình môn học: Thị trường chứng khoán	2021	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	CH	Phát triển tín dụng trung và dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hưng Yên	Vũ Đình Trường Sơn	TS. Đào Văn Tú	
2	CH	Phân tích tài chính khách hàng doanh nghiệp trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ngô Gia Tự	Phạm Thị Dinh	TS. Nguyễn Quốc Thắng	
3	CH	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Trần Tuấn Anh	TS. Lê Tuấn Hiệp	
4	CH	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phương Đông	Phạm Khánh Linh	TS. Đoàn Thị Thanh Tâm	
5	CH	Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Thu Hường	TS. Nguyễn Quốc Thắng	
6	CH	Quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh Hưng Yên	Đoàn Thị Duyên	TS. Đỗ Thị Hoan	
7	CH	Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Dương Thị Hoài	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy	
8	CH	Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục thuế khu vực Văn Giang - Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Quản Xuân Hoằng	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp	
9	CH	Công tác giám sát từ xa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hưng Yên đối với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Tỉnh	Lê Duy Thi	TS. Nguyễn Huy Cường	
10	CH	Hiệu quả sử dụng vốn tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên	Nguyễn Quốc Hung	TS. Đỗ Thị Hoan	
11	CH	Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Thủ Đức	Nguyễn Thị Lan Hương	TS. Nguyễn Hữu Dũng	
12	CH	Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội	Ngô Bích Loan	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp	

13	CH	Hoàn thiện công tác huy động vốn tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Đặng Đức Hương	TS. Đoàn Thị Thanh Tâm
14	CH	Quản trị vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ngân Sơn	Nguyễn Đức Khôi	TS. Nguyễn Quang Hiệp
15	CH	Quản lý thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế khu vực Yên Mỹ - Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Trần Quang Lâm	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
16	CH	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh Công ty TNHH AAB	Chu Đức Thọ	TS. Nguyễn Quang Hiệp
17	CH	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế khu vực Yên Mỹ - Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên	Dương Thị Loan	TS. Nguyễn Quốc Thắng
18	CH	Phân tích báo cáo tài chính của Công ty cổ phần X19 Miền Trung	Trần Văn Minh	TS. Nguyễn Quốc Thắng
19	CH	Chất lượng tín dụng tại ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - chi nhánh Thăng Long	Nguyễn Thị Liên	TS. Nguyễn Huy Cường
20	CH	Thu thập thông tin và xếp hạng tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hùng Vương, Hà Nội	Đỗ Đình Mạnh	TS. Nguyễn Huy Cường
21	CH	Hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hưng Yên	Nguyễn Văn Minh	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
22	CH	Công tác kiểm tra thuế tại Chi cục thuế khu vực Văn Giang - Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đặng Thị Ngọc	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
23	CH	Quản lý ngân sách nhà nước tại xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	Cao Thị Liên	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
24	CH	Hoàn thiện công tác marketing tại Ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Hưng Yên	Trần Thị Vân Anh	TS. Đỗ Thị Hoan
25	CH	Quản lý tài chính của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình đối với các trường Trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh	Nguyễn Anh Tùng	TS. Lê Tuấn Hiệp
26	CH	Phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Đình Hiếu	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa
27	CH	Tự chủ tài chính tại các cơ sở y tế công lập tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thế Toản	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa
28	CH	Công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh tại chi cục thuế khu vực Yên Mỹ - Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Lan Hương	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
29	CH	Quản lý ngân sách nhà nước tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đào Hải Yến	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

30	CH	Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Nguyễn Hồng Anh	TS. Nguyễn Hữu Dũng
31	CH	Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Tiên Phong	Phạm Ngọc Thành	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy
32	CH	Hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp tại Chi cục thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Phạm Thị Bích	TS. Đoàn Thị Thanh Tâm
33	CH	Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - chi nhánh Hưng Yên	Phạm Thị Đào Hảo	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy
34	CH	Hiệu quả hoạt động kiểm tra tại chỗ của Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại thành phố Hà Nội	Giáp Ngọc Hà	TS. Vũ Văn Long
35	CH	Công tác huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Ngọc Ánh	TS. Đào Văn Tú
36	CH	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty cổ phần sản xuất và dịch vụ Đoàn kết	Phạm Thị Thu Hà	TS. Đào Văn Tú
37	CH	Quản lý thu thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi cục Thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Minh Hạnh	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp
38	CH	Công tác kiểm tra thuế tại chi cục thuế khu vực Yên Mỹ - Ân thi, tỉnh Hưng Yên	Lê Huy Lực	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
39	CH	Tăng cường quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Đoàn Thị Hằng	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp
40	CH	Phát triển kênh liên kết ngân hàng - bảo hiểm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	Nguyễn Mậu Việt	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp
41	CH	Hiệu quả hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Đỗ Hải Yến	TS. Nguyễn Huy Cường
42	CH	Nâng cao chất lượng cho vay tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Dương Trọng Đức	TS. Nguyễn Huy Cường
43	CH	Phát triển dịch vụ thẻ thanh toán tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Mỹ Hào Hưng Yên II	Hoàng Thị Thu Ngân	TS. Nguyễn Huy Cường
44	CH	Nâng cao chất lượng tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần	Bùi Minh Tùng	TS. Nguyễn Viết Đăng

		Petrolimex - Chi nhánh Thăng Long		
45	CH	Công tác kiểm tra thuế tại chi cục thuế khu vực Yên Mỹ - Ân thi, tỉnh Hưng Yên	Lê Huy Lực	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
46	CH	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần công nghệ Hợp Long	Lê Tiến Dũng	PGS.TS. Nguyễn Phượng Lê
47	CH	Nâng cao chất lượng phân tích tài chính tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tân Phú	Nguyễn Hồng Giang	PGS.TS. Nguyễn Phượng Lê
48	CH	Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tại Chi cục thuế huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Vũ Đình Tính	PGS.TS. Nguyễn Phượng Lê
49	CH	Quản trị rủi ro cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên	Phạm Thị Quý Hợi	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
50	CH	Cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hưng Yên	Hoàng Hải Nam	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
51	CH	Cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên	Phạm Văn Nghị	PGS.TS. Đỗ Đức Minh
52	CH	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Sơn Trường	TS. Đoàn Thị Thanh Tâm
53	CH	Công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Lê Trung Kiên	TS. Nguyễn Quang Hiệp
54	CH	Quản lý thu tại Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Khánh Linh	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp
55	CH	Quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Yên Mỹ Hưng Yên II	Đặng Ngọc Nghĩa	TS. Nguyễn Văn Hướng
56	CH	Hoạt động huy động vốn tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Văn Lâm Hưng Yên II	Phạm Thị Phương	TS. Nguyễn Văn Hướng
57	CH	Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi cục thuế Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	Lý Tuấn Dũng	TS. Đỗ Thị Hoan
58	CH	Phát triển tín dụng trung, dài hạn tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên II	Phạm Đình Giồng	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa
59	CH	Quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh tại Chi cục Thuế huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Bùi Thị Tình	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

60	CH	Chất lượng tín dụng tại chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hưng Yên	Vũ Hải Chiều	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa
61	CH	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH dầu thực vật Cái Lân	Ngô Thị Hương Giang	TS. Lê Tuấn Hiệp
62	CH	Phân tích báo cáo tài chính tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Hàn	Trần Thị Chính	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy
63	CH	Nâng cao chất lượng tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc	Trịnh Xuân Dũng	TS. Đỗ Thị Hoan
64	DHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Việt Trung Khai Sơn	Trần Thùy Dương	Ths. Trần Thu Nga
65	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Cổ phần Kiến Trúc Xây Dựng Vietst	Nguyễn Thị Huế	Ths. Trần Thu Nga
66	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Liên Châu.	Lưu Mai Hoa	Ths. Trần Thu Nga
67	DHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH xăng dầu Minh An.	Nguyễn Thị Lê Hương	Ths. Trần Thu Nga
68	DHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH và TM Phúc Tiến - Hưng Yên	Phạm Quang Vinh	Ths. Trần Thu Nga
69	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển Quốc Tế Việt Trung	Phạm Thùy Duyên	Ths. Trần Thu Nga
70	DHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại chi nhánh tập đoàn công ty than khoáng sản Việt Nam- Công ty than Hạ Long TKV	Nguyễn Hoàng Dũng	Ths. Trần Thu Nga
71	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH dịch vụ vật tư nông nghiệp Nghĩa Hưng	Trần Thị Hà Anh	Ths. Trần Thu Nga
72	DHCQ	Phân tích khả năng thanh toán của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Dương Anh	Lê thị Quế Anh	Ths. Trần Thu Nga
73	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ngọc Anh	Cà Thị Bé	Ths. Trần Thu Nga
74	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Tiến Lực	Đàm Mai Linh	Ths. Vũ Thị Hà
75	DHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Hoàng Xuân Tùng	Ths. Vũ Thị Hà
76	DHCQ	Phân tích kết quả kinh doanh và khả năng sinh lời tại Công ty TNHH Ô Tô Đông Phong	Nguyễn Sơn Tùng	Ths. Vũ Thị Hà

77	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Cổ phần May và Thương mại INDICO	Nguyễn Đức Thụ	Ths. Vũ Thị Hà
78	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH TM Phương Hải Anh	Nguyễn Khánh Linh	Ths. Vũ Thị Hà
79	ĐHCQ	Nâng cao lợi nhuận tại Công ty Cổ Phần BDS Phúc Lộc	Nguyễn Duy Đức	Ths. Vũ Thị Hà
80	ĐHCQ	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm tại Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt Nhật	Nguyễn Hồng Sơn	Ths. Lê Minh Thu
81	ĐHCQ	Khả năng thanh toán tại Công ty TNHH thương mại Minh Tuấn	Đinh Ngọc Hoàn	Ths. Lê Minh Thu
82	ĐHCQ	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Trọng Vinh	Nguyễn Thị Hường	Ths. Lê Minh Thu
83	ĐHCQ	Lợi nhuận tại công ty cổ phần vận tải biển Phúc Đại Lộc	Hoàng Ngọc Long	Ths. Lê Minh Thu
84	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư xây dựng 279	Nguyễn Đình Hiệp	Ths. Trương Thị Bích
85	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH Xây dựng Minh Quang	Trần Thị Thanh Hiền	Ths. Trương Thị Bích
86	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng 279	Trần Trung Hiếu	Ths. Trương Thị Bích
87	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp Hoàng Anh Gia Lâm	Vũ Thị Hương	Ths. Hoàng Thị Duyên
88	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại chi nhánh tập đoàn công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam- Công ty than Quang Hanh -TKV	Đoàn Thị Hương Liên	Ths. Hoàng Thị Duyên
89	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ và sản xuất Hương Quỳnh	Lương Thị Diệu Linh	Ths. Hoàng Thị Duyên
90	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH Winner Corporation	Lê Vĩnh Thuần	Ths. Lê Thị Hằng
91	ĐHCQ	Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Huy Hoàng	Bùi Thị Toan	Ths. Lê Thị Hằng
92	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng Đoàn Lân tỉnh Điện Biên	Lò Huy Thông	Ths. Lê Thị Hằng
93	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược thiết bị y tế Hà Giang	Nguyễn Trung Kiên	Ths. Lê Thị Hằng
94	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Cổ phần công nghệ Hợp	Cao Thị Hải	Ths. Lê Thị Hằng

		Long		
95	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính Công ty TNHH WINNER CORPORATION	Hoàng Thị Yến	Ths. Trần Thị Lương
96	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Liên Châu	Võ Đình Tùng	Ths. Trần Thị Lương
97	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn cố định của công ty TNHH Hanwo 2	Đồng Đặng Ngọc Hải	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
98	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Trường Lộc	Ngô Thị Hạnh	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
99	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH thương mại và vận tải Trọng Vinh	Đào Trọng Hưng	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
100	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH Tân Trường Phát	Đỗ Văn Thắng	Ths. Bùi Thị Thanh Huyền
101	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty TNHH SUNTEX	Nguyễn Thu Hương	Ths. Phạm Thị Mị
102	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty thương mại và xuất nhập khẩu Việt Dũng	Nguyễn Phương Hoa	Ths. Phạm Thị Mị
103	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần Đức Mai Lâm	Lã Thị Thu Hà	Ths. Phạm Thị Mị
104	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty TNHH thương mại và xây dựng Phúc Thái Sơn	Nguyễn Tuấn Đạt	Ths. Phạm Thị Mị
105	ĐHCQ	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần giao nhận vận tải Kepler	Nguyễn Ngọc Hà	Ths. Phạm Thị Mị
106	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty TNHH Minh Quang	Phùng Thị Thu Linh	Ths. Phạm Thị Mị
107	ĐHCQ	Hiệu quả hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn	Hoàng Thanh Trà	Ths. Trần Thị Thanh Vân
108	ĐHCQ	Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên	Dương Anh Dũng	Ths. Trần Thị Thanh Vân
109	ĐHCQ	Hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng TM TNHH MTV Xây Dựng (CBBANK)- chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Văn Lân	Ths. Trần Thị Thanh Vân
110	ĐHCQ	Hiệu quả huy động tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Hoàng Thị Chiên	Ths. Trần Thị Thanh Vân
111	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Hoàn Kiếm	Phạm Mai Anh	Ths. Trần Thị Thanh Vân

112	ĐHCQ	Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Agribank tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Thu Trang	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
113	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng khách hàng cá nhân tại Vietinbank Hà Nam	Hoàng Quang Dũng	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng
114	ĐHCQ	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu(ACB)- chi nhánh Hưng Yên	Hà Văn Dũng	Ths. Luyện Thùy Dung
115	ĐHCQ	Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Long Biên	Lê Thùy Nhung	Ths. Luyện Thùy Dung
116	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Tân Uyên Lai Châu	Hoàng Yến Huyền	Ths. Luyện Thùy Dung
117	ĐHCQ	Hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay khách hàng cá nhân Ngân Hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội chi nhánh Hưng Yên phòng giao dịch Phó Hiền	Nguyễn Thu Hiền	Ths. Luyện Thùy Dung
118	ĐHCQ	Dịch vụ ngân hàng điện tử MB e-banking dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Gia Lâm	Nguyễn Thị Mai Anh	Ths.Bùi Tiến Thịnh
119	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Lưu Thị Diệu Linh	Ths.Bùi Tiến Thịnh
120	ĐHCQ	Phát triển hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm	Dinh Minh Trang	Ths.Bùi Tiến Thịnh
121	ĐHCQ	Giải pháp phát triển thẻ thanh toán tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hưng Yên	Nguyễn Thị Như Ý	Ths.Bùi Tiến Thịnh
122	ĐHCQ	Đẩy mạnh hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh	Nguyễn Tiến Mạnh	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
123	ĐHCQ	Giải pháp tăng cường huy động vốn từ nguồn tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - phòng giao dịch Láng Hạ	Đỗ Phương Dung	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
124	ĐHCQ	Phát triển hoạt động bán lẻ tại ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên	Đặng Như Quỳnh	Ths. Phạm Hồng Hạnh
125	ĐHCQ	Hoàn thiện hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn chi nhánh huyện Tiên Du, Bắc Ninh II - PGD Chợ	Nguyễn Văn Thắng	Ths. Phạm Hồng Hạnh

		Sơn		
126	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Nguyễn Hoàng Huy	Ths. Phạm Hồng Hạnh
127	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc tế Việt Nam- chi nhánh Hai Bà Trưng	Hoàng Cao Viên	Ths. Nguyễn Hữu Quý
128	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ P hân Á Châu - chi nhánh Hưng Yên	Hà Văn Dần	Ths. Nguyễn Hữu Quý
129	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	Nguyễn Thành Công	Ths. Nguyễn Hữu Quý
130	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty Vimphar Việt Nam	Trần Diệu Linh	Ths. Trần Thị Lương
131	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn lưu động tại công ty cổ phần gạch ngói Kim Sơn	Phạm Thảo Linh	Ths. Trần Thị Lương
132	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hưng Yên	Nguyễn Diệu Thu Hương	Ths. Trần Thị Lương
133	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại Quân đội chi nhánh Hai Bà Trưng	Nguyễn Thị Hà	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
134	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Phòng Giao dịch Văn Lâm - Chi nhánh Hưng Yên	Lương Xuân Bắc	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
135	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên	Lê Tiến Tùng	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
136	ĐHCQ	Huy động vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đỗ Thị Hoa	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp
137	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Bích	TS. Nguyễn Thị Liên
138	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	Đỗ Thị Hà Nam	Thầy Phạm Văn Hưng

	vụng tiếng Anh cơ bản cho sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh (Nghiên cứu thực nghiệm)	- Thư ký: ThS. Ninh Thị Yên - ThS. Hoàng Thị Hương Giang - ThS. Đỗ Thị Thời - ThS. Hồ Thị Tam			
25	Xây dựng đề án tuyển sinh năm 2021 của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	- TS. Nguyễn Huy Cường - Thư ký: ThS. Nguyễn Văn Thé - ThS. Nguyễn Văn Đạo - ThS. Đỗ Thị Vui - ThS. Nguyễn Thị Lam Giang		3/2021	



		Sơn		
126	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Nguyễn Hoàng Huy	Ths. Phạm Hồng Hạnh
127	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc tế Việt Nam- chi nhánh Hai Bà Trưng	Hoàng Cao Viên	Ths. Nguyễn Hữu Quý
128	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ P hàn Á Châu - chi nhánh Hưng Yên	Hà Văn Dần	Ths. Nguyễn Hữu Quý
129	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	Nguyễn Thành Công	Ths. Nguyễn Hữu Quý
130	ĐHCQ	Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty Vimphar Việt Nam	Trần Diệu Linh	Ths. Trần Thị Lương
131	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn lưu động tại công ty cổ phần gạch ngói Kim Sơn	Phạm Thảo Linh	Ths. Trần Thị Lương
132	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hưng Yên	Nguyễn Diệu Thu Hương	Ths. Trần Thị Lương
133	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại Quân đội chi nhánh Hai Bà Trưng	Nguyễn Thị Hà	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
134	ĐHCQ	Nâng cao chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Phòng Giao dịch Văn Lâm - Chi nhánh Hưng Yên	Lương Xuân Bắc	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
135	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Bắc Hưng Yên	Lê Tiến Tùng	Ths. Vũ Thị Thùy Dung
136	ĐHCQ	Huy động vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đỗ Thị Hoa	TS. Nguyễn Thị Bích Đieber
137	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Bích	TS. Nguyễn Thị Liên
138	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	Đỗ Thị Hà Nam	Thầy Phạm Văn Hưng

		TNHH Thương mại và Dịch vụ Khánh Trúc		
139	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH Thương mại & sản xuất Diệu Phương	Nguyễn Thu Phương	Thầy Phạm Văn Hưng
140	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty cổ phần hàng sơn Đông Á	Võ Thị Như Quỳnh	Thầy Phạm Văn Hưng
141	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại & sản xuất Diệu Phương	Nguyễn Hồng Sơn	Thầy Phạm Văn Hưng
142	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty cổ phần thiết bị y tế Long Giang	Đỗ Thị Lan Anh	ThS. Đào Thị Hằng
143	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và khoản trích theo lương tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại Tiến Cường	Dương Văn Hiền	ThS. Đào Thị Hằng
144	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Kinh Bắc- Thành Nam	Vũ Khánh Linh	ThS. Đào Thị Hằng
145	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xe máy Hà Quỳnh	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ThS. Đào Thị Hằng
146	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và khoản trích theo lương Công ty cổ phần may Kim Động	Nguyễn Thị Thoa	ThS. Đào Thị Hằng
147	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD tại công ty CP Đức Minh Edulight	Lê Ngọc Diệp	ThS. Đỗ Thị Loan
148	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty sản xuất và đầu tư Kim Sơn.	Phạm Thị Thu Lan	ThS. Đỗ Thị Loan
149	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại công ty TNHH Tiến Cúc	Phạm Thị Phương Anh	ThS. Đỗ Thị Loan
150	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Xí nghiệp 319.7- Chi nhánh Tổng Công ty 319 BQP	Nguyễn Thị Dịu	ThS. Đỗ Thị Loan
151	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sơn	Nguyễn Thị Hằng	ThS. Đỗ Thị Loan
152	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên vật liệu tại công ty TNHH MTV cơ khí Sao Kim	Ngô Trung Hiếu	ThS. Đỗ Thị Loan
153	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD tại Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Việt Trung Khai Sơn	Đào Thu Hương	ThS. Đỗ Thị Loan

154	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH V&T	Nguyễn Thị Ngọc Mai	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh
155	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Hạc Phương Bắc	Lê Thị Hồng Nhung	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh
156	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Lương Sơn Tùng	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh
157	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Linh	Phạm Thị Phương Uyên	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh
158	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Tiên Hưng	Nguyễn Thị Hoài	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh
159	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Bắc Bình	Đặng Thị Thu Hà	ThS. Đoàn Thị Hồng Thịnh
160	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vật tư ngành nước Thanh Bình	Uông Diệu Hương	ThS. Dương Thị Thiều
161	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Huy Hoàn	Trần Mạnh Hòa	ThS. Dương Thị Thiều
162	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ ô tô Đại Tín	Đào Quỳnh Nga	ThS. Dương Thị Thiều
163	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Trúc Tâm	Vũ Thị Hòa	ThS. Dương Thị Thiều
164	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tập đoàn Tân Long	Đào Thúy Hường	ThS. Dương Thị Thiều
165	ĐHCQ	Đề tài là Hoàn thiện kê toán nguyên liệu, vật liệu tại công ty TNHH Bảo Bì Việt Hưng	Nguyễn Thị Thanh Hà	ThS. Dương Thị Thiều
166	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH cơ khí Bảo Long	Vũ Nguyễn Anh Thư	ThS. Dương Thị Thiều
167	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông chi nhánh Quảng Ninh	Nguyễn Hoài Anh	ThS. Lê Thị Bình
168	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM VLXD Việt Á	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Lê Thị Bình

169	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH CNC Bảo Long	Nguyễn Thị Uyên	ThS. Nguyễn Thanh Bình
170	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng đô thị Quảng Ninh	Nguyễn Phụng Kiều	ThS. Nguyễn Thanh Bình
171	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hoàng Ngọc	Phạm Thị Phương Mai	ThS. Nguyễn Thanh Bình
172	ĐHCQ	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp URENCO 11	Trịnh Thị Bích Ngọc	ThS. Nguyễn Thanh Bình
173	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH PLASTIC Tân Long	Đỗ Thị Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thanh Bình
174	ĐHCQ	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phương Anh	Quách Thị Sơn Hà	ThS. Nguyễn Thanh Bình
175	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty cổ phần tập đoàn Vinh Phú	Nguyễn Thị Mỹ Linh	ThS. Nguyễn Thị Đào
176	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Ô tô Thành An Hưng Yên	Lương Thị Mỹ Liên	ThS. Nguyễn Thị Đào
177	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty TNHH Thời Trang Kim Ưng	Nguyễn Thị Minh Phụng	ThS. Nguyễn Thị Đào
178	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Chi nhánh Công ty TNHH Ông Thép Hòa Phát	Phạm Huyền Trang	ThS. Nguyễn Thị Đào
179	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH dược phẩm Sao Việt	Nguyễn Thị Hương	ThS. Nguyễn Thị Đào
180	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên thương mại Habeco	Lê Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Thị Đào
181	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Đăng Khoa	Trương Hồng Hạnh	ThS. Nguyễn Thị Đào
182	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH SX&TM Nhật Hoa	Nguyễn Thị Dung	ThS. Nguyễn Thị Hương
183	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH kỹ thuật điện Thành Công TKL	Đỗ Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Hương
184	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH MTV SENYING	Ngô Thị Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Thị Hương
185	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu,	Lê Trung Kiên	ThS. Nguyễn

		công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần thương mại và xây dựng Việt Long		Thị Hương
186	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH thương mại Trường Xuân Phát	Nguyễn Thị Hải Ninh	ThS. Nguyễn Thị Hương
187	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên liệu vật liệu tại công ty cổ phần AMIGO Việt Nam	Nguyễn Thị Dung	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà
188	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên liệu vật liệu tại công ty TNHH EDUEN VINA	Bùi Vũ Diễm Quỳnh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà
189	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng 3G	Nguyễn Thị Cúc	ThS. Phạm Thị Thu Hương
190	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gỗ công nghiệp tại công ty cổ phần Gỗ Đại Việt	Phạm Thu Hà	ThS. Phạm Thị Thu Hương
191	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần LIFF Đông Phong	Phạm Thị Minh Phúc	ThS. Phạm Thị Thu Hương
192	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và chế biến nông lâm sản Long Nhàn	Nguyễn Xuân Anh	ThS. Trần Đức Hùng
193	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Lê Minh	Hoàng Bình Quân	ThS. Trần Đức Hùng
194	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Đỗ Hồng Cư	ThS. Trần Đức Hùng
195	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH BEEAHN Việt Nam	Dương Thị Thanh Hằng	ThS. Trần Đức Hùng
196	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH tiếp vận EZ SHIPPING	Nguyễn Thị Thùy Linh	ThS. Trần Đức Hùng
197	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Dụng cụ cơ khí số 1	Vũ Thị Nga	ThS. Trần Đức Hùng
198	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư xây dựng và Thương mại CIC	Lê Thị Hồng Nhung	ThS. Trần Đức Hùng
199	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Giống cây trồng Con nuôi Ninh Bình	Lưu Thu Phương	ThS. Trần Đức Hùng

200	ĐHCQ	Hoàn thiện Công tác kế toán nguyên vật liệu và CCDC tại CÔNG TY TNHH MAY GRACE SUN VIỆT NAM	Trần Thị Bích Thảo	ThS. Trịnh Thị Thu Hòa
201	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu và ccdc Công ty TNHH Bao Bì Việt Hưng	Hoàng Thị Hà	ThS. Trịnh Thị Thu Hòa
202	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng	Vũ Thị Hồng Nhung	ThS. Trịnh Thị Thu Hòa
203	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Đầu tư Dầu khí Hà Nội	Nguyễn Thanh Mây	ThS. Vũ Mai Phương
204	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thiên Trường	Phạm Ngọc Hà My	ThS. Vũ Mai Phương
205	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần may và Thương mại Mỹ Hưng	Lê Thị Thu Phương	ThS. Vũ Mai Phương
206	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tín Nghĩa	Phùng Tô Quyên	ThS. Vũ Mai Phương
207	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	An Thị Huyền Trang	ThS. Vũ Mai Phương
208	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH PROTECH INNOTION VINA	Nguyễn Thị Giang	ThS.Bùi Thị Vân
209	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Mai Lâm	Hà Ngọc Phương Lan	ThS.Bùi Thị Vân
210	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và Phát triển Ngọc Diệp	Nguyễn Thị Mến	ThS.Bùi Thị Vân
211	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Hương Kiêm	Nguyễn Thị Phương	ThS.Bùi Thị Vân
212	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển chăn nuôi Hòa Phát	Mạc Thị Bích Thảo	ThS.Bùi Thị Vân
213	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Kim Sơn	Đỗ Thị Lệ Thương	ThS.Bùi Thị Vân
214	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH may Đại Hướng	Nguyễn Hà Trang	ThS.Bùi Thị Vân
215	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hyundai Aluminum Vina	Chu Thị Bích Ngọc	ThS.Cao Thị Hàng

216	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công Ty Cổ Phần May Việt Ý - Hưng Yên	Nguyễn Thị Thu Uyên	ThS.Cao Thị Hằng
217	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Hoà Bình Thịnh Vượng	Lương Ngọc Anh	ThS.Cao Thị Hằng
218	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hoàng Hà Yên Bái	Nguyễn Thị Hiền Trang	ThS.Cao Thị Hằng
219	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH điện tử ANNEX	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	ThS.Cao Thị Hằng
220	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Trần Thị Lụa	ThS.Đào Vân Anh
221	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Tốc độ xanh	Hoàng Thị Mỹ Hảo	ThS.Đào Vân Anh
222	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH TM, DV và ĐT VIETCOM	Phạm Thị Hồng	ThS.Đào Vân Anh
223	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Nguyễn Hồng	Phùng Thị Huệ	ThS.Đào Vân Anh
224	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NVL tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý dự án số 1	Nguyễn Thùy Linh	ThS.Đào Vân Anh
225	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NVL, CCDC tại Công ty TNHH TM và DV tin học Hoàng Hiếu	Mai Hồng Vân	ThS.Đào Vân Anh
226	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH TEA SEUNG VINA	Trần Thị Ngọc Ánh	ThS.Đoàn Thị Phương
227	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp tư nhân Minh Tâm	Đinh Nguyệt Hằng	ThS.Đoàn Thị Phương
228	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Nga	Đỗ Thị Hằng	ThS.Đoàn Thị Phương
229	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ môi trường Ban Mai Xanh	Phan Thúy Hiền	ThS.Đoàn Thị Phương
230	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thiên Sơn Hưng Yên	Đặng Thị Mỹ Tuyền	ThS.Đoàn Thị Phương
231	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty CP Eco Green Plastic	Phạm Thị Hải Yến	ThS.Đoàn Thị Phương
232	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH một thành viên cơ khí HWA SUNG TECH	Hồ Lệ Hoa	ThS.Đoàn Thị Phương

233	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại Công ty TNHH TM Nam Lợi	Đỗ Thu Hà	ThS.Lê Hồng Kỳ
234	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và XĐ KQKD tại Công ty TNHH TM Thoại Anh Khoa	Lê Thị Hải Anh	ThS.Lê Hồng Kỳ
235	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CC- DC tại Công ty TNHH Khánh Hưng Phát	Đinh Hoàng Đạt	ThS.Lê Hồng Kỳ
236	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty cổ phần sách và TBGD Hải Dương	Vũ Thị Phương Thảo	ThS.Lê Hồng Kỳ
237	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty cổ phần TM & Kỹ thuật VMV	Nguyễn Khánh Huyền	ThS.Lê Hồng Kỳ
238	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán CPSX & tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH đầu tư phát triển Chiến Thắng	Nguyễn Đức Thịnh	ThS.Lê Hồng Kỳ
239	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại Công ty TNHH Nhật Hoa Hưng Yên	Lưu Thị Huệ	ThS.Lê Hồng Kỳ
240	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh	Phạm Thu Hương	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
241	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Liên kết đầu tư Livabin	Nguyễn Phương Anh	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
242	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi thường xuyên từ nguồn NSNN tại Bảo hiểm xã hội huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Lê Đức Dũng	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
243	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Văn phòng UBND huyện Phù Cừ	Phạm Thị Linh	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
244	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoa Sen- Chi nhánh Long Biên	Nguyễn Hoàng linh	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
245	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại cty TNHH xây dựng Lan Anh	Phạm Đức Hải	ThS.Nguyễn Hải Hà
246	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi I	Nguyễn Thị Thanh Mai	ThS.Nguyễn Hải Hà
247	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần vận tải Đường Sắt Hà Nội - Chi nhánh vận tải đường sắt Lào Cai	Nguyễn Hồng Ngọc	ThS.Nguyễn Hải Hà
248	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần tư vấn và Thẩm định giá Á Châu	Phạm Thị Ngọc Diệp	ThS.Nguyễn Hải Hà
249	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu	Nguyễn Thành	ThS.Nguyễn Hải

		tại Công ty cổ phần Đay và May Hưng Yên	Long	Hà
250	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Cơ Điện Thuỷ Lợi Hưng Yên.	Hoàng Diệu Linh	ThS.Nguyễn Hải Hà
251	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán Nguyên vật liệu tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hồng Ngọc Việt.	Nguyễn Thị Mai	ThS.Nguyễn Hải Hà
252	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hòa Thuận Phát	Chu Thị Hồng Nhung	ThS.Nguyễn Hải Hà
253	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH Thành Huy	Đỗ Thị Thúy Quỳnh	ThS.Nguyễn Hải Hà
254	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty Cổ Phần Amigo Việt Nam	Vũ Thị Thảo	ThS.Nguyễn Hải Hà
255	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sufat Việt Nam	Kiều Thị Trang	ThS.Nguyễn Hải Hà
256	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần thương mại du lịch Vietbook	Vũ Thị Diệu Anh	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
257	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại Tất Thành Công	Nguyễn Thị Đào	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
258	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Panko Vina	Trần Thị Thu Hồng	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
259	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần may Tiên Hưng	La Thị Duyên	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
260	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần may Tiên Hưng	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
261	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH thương mại và xây dựng Duy Vũ	Phạm Minh Nguyệt	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
262	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Đồng Tâm	Lê Thị Hằng	ThS.Nguyễn Phương Hạnh
263	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán Nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Quang Long	Lê Phương Anh	ThS.Nguyễn Thị Hải
264	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP XD và phát triển Thành Công	Phạm Thị Thúy Quỳnh	ThS.Nguyễn Thị Hải

265	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng thị Công ty TNHH thiết bị công nghiệp nhựa An Phu	Đỗ Thị Phương Thảo	ThS.Nguyễn Thị Hải
266	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH tài nguyên và môi trường bền vững	Kiều Thu Thủy	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường
267	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại cơ khí và xây dựng Lê Lợi	Vũ Thị Thúy Hiền	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường
268	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Kỳ Thành Hưng	Dương Thị Hồng Hạnh	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
269	ĐHCQ	hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Hamaden Việt Nam	Nguyễn Thị Châm	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
270	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu-chi phí-kết quả hợp đồng xây dựng tại Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Đồng Tâm	Đoàn Phương Anh	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
271	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Cty TNHH Hoàng Ngọc	Hoàng Thị Cẩm Vân	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
272	ĐHCQ	hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH SANDIA tại công ty TNHH SANDIA	Trịnh Thị Hường	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
273	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết Bị Bảo An 369	Trần Thị Thu	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
274	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty công nghệ Ekoios	Đặng Thị Trúc	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hạnh
275	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Xuân Cầu	Nguyễn Thị Tâm Chính	ThS. Nguyễn Thị Hương
276	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phát triển thương mại Việt Thắng	Nguyễn Thành Cung	ThS.Nguyễn Thị Huyền
277	ĐHCQ	Hoàn thiện các khoản thuế GTGt, thuế TNDN phải nộp tại công ty TNHH ĐTXD và DVTM vận tải Thời Việt	Nguyễn Diệu Linh	ThS.Nguyễn Thị Huyền
278	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên gỗ nhựa PCC-1	Đỗ Thị Thùy Trang	ThS.Nguyễn Thị Kim Dung
279	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	Vũ Bích Hoa	ThS.Nguyễn Thị Kim Dung
280	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty	Lê Ánh Chi	ThS.Nguyễn Thị Kim Dung

		TNHH Bảo Phú		
281	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần TM&DV Nhất Hoàng Gia	Trần Thị Thúy Duyên	ThS.Nguyễn Thị Kim Dung
282	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Newrice	Lê Thị Khánh Huyền	ThS.Nguyễn Thị Kim Dung
283	DHCQ	Hoàn thành kê toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần TM&DV Nhất Hoàng Gia	Trần Thị Thu	ThS.Nguyễn Thị Kim Dung
284	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH DHA	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS.Nguyễn Thị Ngoan
285	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên AVET Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS.Nguyễn Thị Ngoan
286	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thủy Cam	Đàm Thị Quỳnh	ThS.Nguyễn Thị Ngoan
287	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vương Lực	Cao Thiên Trang	ThS.Nguyễn Thị Ngoan
288	DHCQ	Hoàn thiện kê toán danh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần phát hành Sách và Thiết bị trường học Hưng Yên	Vũ Thị Thu Trang	ThS.Nguyễn Thị Ngoan
289	DHCQ	Hoàn thiện kê toán tài sản cố định tại công ty than Dương Huy - TKV	Vũ Ngọc Lam	ThS.Nguyễn Thị Ngọc
290	DHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty than Dương Huy - TKV	Phạm Ngọc Ly	ThS.Nguyễn Thị Ngọc
291	DHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Lâm Linh	Phạm Tuấn Linh	ThS.Nguyễn Thị Ngọc
292	DHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH thương mại và du lịch Trọng Điểm	Lê Thị Huyền	ThS.Nguyễn Thị Phương Hoa
293	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Công Nghiệp PT Việt Nam	Vũ Thị Minh Huyền	ThS.Nguyễn Thị Phương Hoa
294	DHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Cường	Phạm Thị Huyền	ThS.Nguyễn Thị Phương Hoa
295	DHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Thái	Đặng Thị Ninh	ThS.Nguyễn Thị Thu

296	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ An Anh	Trịnh Nguyệt Hà	ThS.Nguyễn Thị Vân Thanh
297	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ Huy Hoàng	Nguyễn Thúy Hiền	ThS.Nguyễn Thị Vân Thanh
298	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công Ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại tân hoàng minh	Phạm Thị Hoài	ThS.Nguyễn Thị Vân Thanh
299	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tai Công ty TNHH LYVA	Nguyễn Thị Lan Hương	ThS.Nguyễn Thị Vân Thanh
300	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cỗ phần thương mại và dịch vụ An	Chu Thị Nhật Lê	ThS.Nguyễn Thị Vân Thanh
301	ĐHCQ	Kế Toán Tiền Lương Và các Khoản Trích Theo Lương Tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sản Xuất & Thương Mại Tuấn Anh	Nguyễn Tiến Chinh	ThS.Phạm Ngọc Thảo
302	ĐHCQ	Tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty TNHH I&F Tiên Phong	Bùi Thị Thủy	ThS.Phạm Ngọc Thảo
303	ĐHCQ	Bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Bảo Chính Vina	Đỗ Thị Uyên	ThS.Phạm Ngọc Thảo
304	ĐHCQ	Tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty TNHH Dược phẩm SMARD	Lê Thị Huyền Ly	ThS.Phạm Ngọc Thảo
305	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Minh Lan	Lê Hoàng Anh	ThS.Phạm Thị Hậu
306	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại công ty TNHH Phạm- Asset Hưng Yên	Nguyễn Ngọc Huyền	ThS. Phạm Thị Thu Hương
307	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cỗ phần dụng cụ cơ khí số 1	Nguyễn Thị Thùy Dương	ThS.Phạm Thu Hương
308	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và XD THÉ NHỚ	Nguyễn Thị Hồng	ThS.Phạm Thu Hương
309	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NVL tại Công ty Cổ Phàn Đầu Tư & Xây Dựng Minh Trang	Trần Thị Huệ	ThS.Phạm Thu Hương
310	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP In Viễn Đông	Nguyễn Thị Nhật Lê	ThS.Phạm Thu Hương
311	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV CNC THÀNH	Bùi Thị Bích Ngọc	ThS.Phạm Thu Hương

		LONG		
312	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán CPSX và tính Z sản phẩm tại Công ty TNHH Tú Cường	Nguyễn Yến Ngọc	ThS.Phạm Thu Hương
313	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Công Nghiệp PT Việt Nam.	Mạc Thị Phương	ThS.Phạm Thu Hương
314	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH truyền thông và dịch vụ IRIS Hà Nội	Nguyễn Thị Phương Trang	ThS.Trần Minh Huệ
315	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Tiêu	Nguyễn Tú Quỳnh	ThS.Trần Minh Huệ
316	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên khách sạn Victorua SaPa	Lã Thùy Dương	ThS.Trần Minh Huệ
317	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV xây dựng Khôi Đức	Nguyễn Thị Minh Hằng	ThS.Trần Minh Huệ
318	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH HP POWER Việt Nam	Phạm Thị Thùy Linh	ThS.Trần Minh Huệ
319	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Tú	Phạm Thị Quỳnh	ThS.Trần Minh Huệ
320	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH thương mại Lê Tuấn Anh	Trương Thị Thanh Xuân	ThS.Trần Minh Huệ
321	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NL,VL tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và DVTM Hoàng Phương Bắc Ninh	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS.Trần Ngân Hà
322	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH mỹ phẩm và hóa chất Quang Xanh	Chu Thị Hường	ThS.Trần Ngân Hà
323	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NL,VL tại Công ty TNHH Hùng Dũng	Nguyễn Thùy Linh	ThS.Trần Ngân Hà
324	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định KQ bán hàng tại Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Hoàng Linh	Trần Thị Diệu Linh	ThS.Trần Ngân Hà
325	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Long	Hoàng Thị Thu Uyên	ThS.Trần Ngân Hà

326	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ NKVIETNAM	Nguyễn Thu Hiền	ThS.Trần Ngọc Lan
327	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Cơ điện và Đầu tư Xây dựng CNM	Mai Thanh Loan	ThS.Trần Ngọc Lan
328	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thế Anh	Nguyễn Thị Thúy	ThS.Trần Ngọc Lan
329	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH DV TM và phát triển Thành Công	Nguyễn Thu Huyền	ThS.Trần Thị Lụa
330	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DV HoàngHiền	Trịnh Tuấn Anh	ThS.Trần Thị Lụa
331	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Công ty TNHH Minh Hiếu – Hưng Yên	Dương Thị Hồng Minh	ThS.Trần Thị Lụa
332	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Minh Hiếu – Hưng Yên	Lê Phương Thảo	ThS.Trần Thị Lụa
333	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty Cổ phần cơ khí Mạnh Phát	Đoàn Ngọc Ánh	ThS.Trần Thị Thúy
334	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Cao Sơn	Nguyễn Thị Hải	ThS.Trần Thị Thúy
335	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định KQKD tại Công ty CPTM điện áp mái Việt Nam	Phạm Ngọc Hân	ThS.Trần Thị Thúy
336	ĐHCQ	Hoàn thiện Kế toán NVL tại Công ty TNHH tư vấn xây dựng công trình Huy Hoàng	Nguyễn Thị Hải Yên	ThS.Trần Thị Thúy
337	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQKD tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Lâm Hùng	Đỗ Thị Ngọc Ánh	ThS.Trần Thị Thúy
338	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại Công ty TNHH Hà Trung	Phí Thị Hiên	ThS.Trần Thị Thúy
339	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD tại Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đắc Hiếu	Trần Thị Thu Hà	ThS.Trần Thị Thúy
340	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Tân Á Hưng Yên	Quản Thùy Linh	ThS.Trịnh Thị Diệp

341	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dinh dưỡng Bình Minh	Lê Thị Thùy	ThS.Trịnh Thị Diệp
342	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần Thành An Hưng Yên	Bùi Thị Như Quỳnh	ThS.Trịnh Thị Diệp
343	ĐHCQ	Kế toán vật liệu,công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần đúc và cơ khí Việt Hàn	Nguyễn Hoàng Tùng	ThS.Trịnh Thị Diệp
344	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH điện Stanley Việt Nam	Nguyễn Hà Quỳnh Mai	ThS.Trịnh Thị Diệp
345	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Cơ khí và Thương mại Đông Lực	Nguyễn Thị Xinh	ThS.Trịnh Thị Diệp
346	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty cổ phần may Hưng Phát T&M	Trần Thị Ngát	ThS.Trịnh Thị Thu Hà
347	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần VSBCO Việt Nam	Tù Thị Trang	ThS.Trịnh Thị Thu Hà
348	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Thương mại Trung Dũng	Trần Thị Thảo Chinh	ThS.Vũ Thị Thảo
349	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ sản xuất, xây dựng Công Hằng	Nguyễn Thị Hải	ThS.Vũ Thị Thảo
350	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty CP Anh Huy Thịnh	Nguyễn Thị Thanh Hiền	ThS.Vũ Thị Thảo
351	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại CTCP Tư vấn & đầu tư xây dựng I.DAY	Nguyễn Thị Thùy Linh	ThS.Vũ Thị Thảo
352	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Gia Khoa	Nguyễn Thị Lượng	ThS.Vũ Thị Thảo
353	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	Nguyễn Nguyệt Hà	ThS.Vũ Thị Thảo
354	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH kỹ thuật khuôn mẫu Nhất Lộc	Lê Thị Thu Hường	TS.Nguyễn Thanh Huyền
355	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty	Vũ Thị Ngọc Ngà	TS.Nguyễn Thanh Huyền

		TNHH xây dựng Tiến Thành		
356	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và DV TM Hoàng Phương Bắc Ninh	Nguyễn Thị Lý	TS.Nguyễn Thanh Huyền
357	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Sơn Tùng	Phạm Thị Thảo	TS.Nguyễn Thanh Huyền
358	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH nhà nước MTV xổ số kiến thiết Yên Bái	Nguyễn Chu Quỳnh Anh	TS.Nguyễn Thanh Huyền
359	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp xe bus Yên Viên-chi nhánh của tổng công ty vận tải Hà Nội.	Nguyễn Lan Anh	TS.Nguyễn Thị Cẩm Thúy
360	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH xây dựng Hòa Hiệp	Trương Thị Ngọc Trang	TS.Nguyễn Thanh Huyền
361	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	Đinh Thị Thanh Vân	TS.Nguyễn Thanh Huyền
362	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thiết bị hiển thị tomko	Đàm Thị Diện	TS.Nguyễn Thị Cẩm Thúy
363	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Đỗ Thị Lan Anh	TS.Nguyễn Thanh Huyền
364	ĐHCQ	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư xây dựng nội thất Decor	Lê Thị Huyền Sâm	TS.Nguyễn Thị Cẩm Thúy
365	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Daeseung Hà Nam	Phạm Phương Thanh	TS.Nguyễn Thị Cẩm Thúy
366	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Đầu tư thương mại Xuân Thành	Trịnh Ánh Hồng	ThS.Nguyễn Thị Thu
367	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Hàn (VIHACO)	Đậu Từ Phương	TS.Nguyễn Thanh Huyền
368	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty SXKD TM Vạn Xuân	Nguyễn Thị Giang	ThS.Nguyễn Thị Huyền
369	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty	Trần Thị Huyền Anh	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh

		Cổ phần ECOCARE Việt Nam		
370	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản phải nộp theo lương tại Trung tâm y tế Thành phố Yên Bái	Bùi Ngọc Nguyên	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
371	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNN sản xuất công nghiệp Phú Vinh	Nguyễn Thị Hạnh	ThS.Trần Thị Lụa
372	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Trường Phát	Vũ Thị Linh	TS.Nguyễn Thị Cẩm Thúy
373	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty CP TM INVECO	Nguyễn Thị Thái Hậu	ThS.Nguyễn Thị Hải
374	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hiệp Hùng Phát	Nguyễn Đình Hùng	ThS. Nguyễn Thị Hải Hường
375	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Minh Thành	Nguyễn Thị Huệ	ThS.Nguyễn Thị Hải
376	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần kính an toàn Việt Nhật	Đinh Thị Ngọc Huyền	ThS. Lê Thị Bình
377	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH TM&DV Việt Phúc Đức	Nguyễn T Ngọc Hà	ThS.Nguyễn Hải Hà
378	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Định giá ATC thực hiện	Uông Thị Việt Anh	ThS. Trần Ngọc Lan
379	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty Cổ phần cao su Đại Lộc	Nguyễn Vũ Thanh Danh	ThS.Đào Văn Anh
380	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ về chu trình tính lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Vĩnh Hưng	Hoàng Ánh Dương	ThS.Trịnh Thị Thu Hòa
381	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty TN hàng Kiểm toán AASC	Ngô Quang Duy	ThS.Trịnh Thị Thu Hòa
382	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại công ty Cổ phần Akido Việt Nam	Ngô Trung Hiếu	ThS.Đào Văn Anh
383	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán ES-GLOCAL-Chi nhánh Bắc	Phạm Quang Hiệu	ThS. Lê Thị Loan

		Ninh thực hiện		
384	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện	Tô Quỳnh Hương	ThS. Đặng Thị Mai
385	ĐHCQ	Tìm hiểu về KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	Nguyễn Thị Bích Hường	ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm
386	ĐHCQ	Thủ tục phân tích áp dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán An Việt	Tạ Minh Khuê	ThS. Trịnh Thị Thu Hòa
387	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu kỳ hàng tồn kho tại Công ty cổ phần tẩm lợp Từ Sơn	Nguyễn Hoàng Lan	ThS. Đặng Thị Mai
388	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán Khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á thực hiện	Đặng Thị Phương Linh	ThS. Lê Thị Loan
389	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH TM TLT Hưng Yên	Nguyễn Thị Ngọc	ThS. Đào Vân Anh
390	ĐHCQ	Kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn AAGroup	Đỗ Duy Nhất	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy
391	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ về chu trình hàng tồn kho tại công ty TNHH liên kết đầu tư LIVABIN	Đặng Lan Nhi	ThS. Trịnh Thị Thu Hòa
392	ĐHCQ	Tìm hiểu về KSNB tại Công ty Cổ phần kinh doanh quốc tế và xây dựng Thương Mại	Phạm Như Quỳnh	ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm
393	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu kỳ hàng tồn kho tại Công ty TNHH Vương Đô	Đoàn Tiến Tài	ThS. Trần Ngọc Lan
394	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện	Trần Thị Thu Trang	ThS. Đặng Thị Mai
395	ĐHCQ	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình hàng tồn kho tại công ty TH DAEBAK VIỆT NAM	Đàm Thị Minh Tươi	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thúy
396	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tiền lương và các khoản trích theo lương trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Á Âu (AAVC)	Đàm Thị Tuyến	ThS. Đào Vân Anh

397	ĐHCQ	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại công ty TNHH Điện máy Hưng Yên	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Đào Văn Anh
398	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NVL tại Công ty CP Đầu tư thương mại HC Việt Nam	Nguyễn Văn Hướng	ThS. Trịnh Thị Thu Hà
399	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NVL, CCDC tại Công ty cổ phần XD&TM Phương Trường	Trịnh Đức Minh	ThS. Trịnh Thị Thu Hà
400	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Logitem Việt Nam	Đặng Hà An	ThS. Nguyễn T Thanh Hà
401	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thương mại và xây dựng Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Ngọc
402	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH thương mại sản xuất và dịch vụ Đông A	Vũ Thị Mùi	ThS. Nguyễn Thị Ngọc
403	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH một thành viên chuyên phát nhanh J&T - Chi nhánh Bắc Ninh	Đào Lý Sụ	ThS. Nguyễn Thị Ngọc
404	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản chích theo lương tại công ty cổ phần xây dựng Thuỷ Lợi 1	Lê Thị Chung	ThS. Nguyễn Thị Thu
405	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Tổng công ty may Hưng Yên	Nguyễn Việt Hoàng	ThS. Lê Thị Bình
406	ĐHCQ	Kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTC	Nguyễn Phương Thảo	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
407	ĐHCQ	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần giấy Vạn Điểm	Trần Thu Chang	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
408	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu MT Việt Nam	Lê Thị Hậu	ThS. Lê Thị Bình
409	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty TNHH Innovative Shield Việt Nam	Đặng Thị Hoài	ThS. Lê Thị Bình
410	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương mại Nhật Linh	Nguyễn Thị Thảo	ThS. Lê Thị Bình
411	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH cao su Giải Phóng	Phạm Thị Mai Hiên	ThS. Phạm Thị Hậu
412	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Tano Group	Hà Thị Thu Hoài	ThS. Phạm Thị Hậu
413	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH sản xuất công nghiệp Phú Vinh	Nguyễn Thị Lam	ThS. Phạm Thị Hậu

414	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Linea Aqua Việt Nam	Lê Thị Huyền Trang	ThS. Phạm Thị Hậu
415	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Trà Lĩnh	Lã Quốc Vượng	ThS. Nguyễn T Hải Hường
416	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH thương mại xuất khẩu Việt Trung Khai Sơn	Lê Hồng Hạnh	ThS. Nguyễn T Hải Hường
417	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Thể thao Bách Hiền	Phạm Tài Linh	ThS. Nguyễn Thị Huyền
418	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH C-Tech	Chu Thị Huyền Mai	ThS. Phạm Thị Thu Hương
419	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thương mại và dịch vụ Tây Đô	Hà Phương Thảo	ThS. Nguyễn T Phương Hoa
420	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Aqua Việt Nam	Nguyễn Thu Hoài	ThS. Nguyễn T Phương Hoa
421	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Toàn Thắng Phát	Hồ Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm
422	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công Ty TNHH Phát Triển Kiếm Phong Kim	Lê Thị Nga	ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm
423	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Tiên Linh	Lê Thùy Nhinh	ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm
424	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty TNHH Oai Cường	Vũ Thị Oanh	ThS. Nguyễn T Thanh Hà
425	ĐHCQ	Hoàn Thiện Kế toán vốn bằng tiền tại DNTN thép Hùng Thơm	Đỗ Yên Hoa	ThS. Lê Thị Loan
426	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP Tân Thanh Hưng Yên	Chu Thế Hùng	ThS. Lê Thị Loan
427	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại công ty Cổ phần Amigo Việt Nam	Nguyễn Phương Nam	ThS. Lê Thị Loan
428	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thành Công	Phạm Minh Phong	ThS. Đặng Thị Mai
429	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên vật liệu tại công ty Công ty Cổ phần Mavinex	Phạm Tuấn Thành	ThS. Nguyễn Thị Huyền

430	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Nhật Hoa	Nguyễn Minh Thu	ThS. Nguyễn Thị Thu
431	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán mua hàng hóa và công nợ phải trả tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ ô tô Đại Tín	Đặng Kim Tùng	ThS. Dương Thị Thiều
432	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Tú Anh	Nguyễn Hồng Ngọc	ThS. Nguyễn Thị Thu
433	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản chích theo lương tại công ty TNHH Dược Phẩm Dung Hưng	Trần Thị Thu Huyền	ThS. Nguyễn Thị Thu
434	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần sản xuất và dịch vụ thương mại Đức Minh	Đoàn Ngọc Mai Anh	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
435	ĐHCQ	Kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng Việt Dũng.	Lê Minh Nghĩa	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
436	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hoàng Úc Châu	Hà Thị Hồng Hảo	Ths. Đỗ Thị Loan
437	ĐHCQ	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán ES-GLOCAL- Chi nhánh Bắc Ninh	Nguyễn Hữu Quang	TS. Nguyễn T Cẩm Thúy
438	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Điện Stanley	Phùng Minh Tân	ThS. Đào Văn Anh
439	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần DV bảo vệ và TM Bảo Tín	Đào Trung Khoa	ThS. Đào Văn Anh
440	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Dịch Vụ Đoàn Kết	Nguyễn Thị Bình	ThS. Dương Thị Thiều
441	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kỹ thuật và thương mại Bibus Việt Nam	Nguyễn Tiến Dũng	ThS. Dương Thị Thiều
442	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KÊ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LUƠNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI XUÂN QUỲNH	Đỗ Thị Hằng	ThS. Nguyễn Thị Hải
443	ĐHCQ	HOÀN THIỆN KÊ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LUƠNG TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ	Nguyễn Tiến Hiển	ThS. Nguyễn Thị Hải

		TRUYỀN THÔNG HD			
444	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH SX&TM Hường Chiến	Nguyễn Thị Hồng Loan	ThS.Trịnh Thị Thu Hòa	
445	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Thiết bị Y tế Hùng Vương	Vũ Thị Lợi	ThS.Trịnh Thị Thu Hòa	
446	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH MTV 165	Nguyễn Văn Lượng	ThS.Nguyễn Hải Hà	
447	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH thiết bị cơ điện Trường Phát.	Đỗ Hồng Nhung	ThS.Nguyễn Hải Hà	
448	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần kho vận Vietfracht Hưng Yên	Chu Thị Ngà	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh	
449	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP thiết bị điện máy biển áp Việt Nam	Nguyễn Ngọc Quang	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh	
450	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần may Hải Anh	Nguyễn Đăng Tân	ThS. Trịnh T Thu Hà	
451	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán NVL tại Công ty cổ phần may Hải Anh	Trần Thị Thoảng	ThS. Trịnh T Thu Hà	
452	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần SX Thương mại Thạch Sơn	An Ngọc Nam	ThS.Phạm Thu Hương	
453	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng	Nguyễn Thị Thủy	ThS.Phạm Thu Hương	
454	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty TNHH Khánh Hưng Phát	Đinh Thị Vân Anh	ThS. Dương Thị Thiều	
455	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP rượu bia nước giải khát Aroma	Nguyễn Thị Mai Hương	ThS. Dương Thị Thiều	
456	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Nam Lợi	Bùi Thị Lan Hương	ThS. Dương Thị Thiều	
457	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Như Hoa	Phạm Trúc Quỳnh	ThS.Trần Đức Hùng	
458	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Minh Hải	Đỗ Thị Thúy	ThS.Trần Đức Hùng	
459	ĐHCQ	Hoàn thiện kê toán TL và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH	Phạm Văn Đạt	ThS.Trịnh Thị Thu Hà	

		Hà Dũng		
460	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC tại Công ty cổ phần kỹ thuật công nghệ Đại Dương	Ngô Thị Thanh Định	ThS.Trịnh Thị Thu Hà
461	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty cổ phần Hoa Lan	Lê Thị Mỹ Hạnh	ThS.Trịnh Thị Thu Hà
462	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH Hoàng Hoa Lý	Trần Thị Hué	ThS.Trịnh Thị Thu Hà
463	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH năng lượng xanh Lona	Đỗ Văn Hưng	ThS. Nguyễn Thị Hải
464	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất thương mại Tổng Hợp Toàn Cầu	Nguyễn Thu Hương	ThS. Nguyễn Thị Hải
465	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần điện lực Việt Nam	Trịnh Thị Hương	ThS. Trần Thị Lụa
466	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần cơ khí Mạnh Phát	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Trần Thị Lụa
467	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán NVL, CCDC Tại Công ty TNHH TMDV&XD Tiến Đạt Hưng Yên	Đặng Thị Khánh Linh	ThS. Phạm Thu Hương
468	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại HD Feed	Bùi Thị Loan	TS.Nguyễn Thanh Huyền
469	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Lưu Bra	Nguyễn Thị Loan	TS.Nguyễn Thanh Huyền
470	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Hàn	Nguyễn Thị Luân	TS.Nguyễn Thanh Huyền
471	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH ô tô xe máy DETECH	Nguyễn Thị Luyến	ThS.Nguyễn Hải Hà
472	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên vật liệu tại công ty TNHH ô tô xe máy DETECH	Phạm Thị Hoàng Ngân	ThS.Nguyễn Hải Hà
473	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Minh An Thịnh	Đinh Thị Thúy Nhàn	ThS.Trần Thị Thúy
474	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần dinh dưỡng Việt Nhật	Nguyễn Thị Phượng	ThS.Trần Đức Hùng

475	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán Nguyên vật liệu tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Hân Sâm	Hoàng Thị Thanh Tâm	ThS.Trần Đức Hùng
476	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH vận tải và thương mại Phú Quang	Nguyễn Thị Thu Thủy	ThS.Nguyễn T Kim Dung
477	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ y tế Hải Phòng	Lê Thị Huyền Trang	ThS.Trịnh Thị Diệp
478	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần EUFEED Việt Nam	Vũ Thanh Tùng	ThS.Nguyễn Thị Ngọc
479	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH sản xuất và tư vấn dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi Sao Việt	Lê Thị Tuyến	ThS.Lê Thị Ngọc Ánh
480	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần Màu Xanh Việt	Vũ Thị Vé	ThS.Vũ Thị Thảo
481	ĐHCQ	Hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH tư vấn Thương mại và xây dựng Gia Lâm.	Lê Văn Hoàng	ThS.Nguyễn Hải Hà
482	ĐHCQ	Thực trạng truyền thông marketing của Công ty trách nhiệm hữu hạn điện máy Hưng yên	Vũ Thị Ngát	TS. Đỗ Tiên Tới
483	ĐHCQ	Hoàn thiện các chính sách marketing của công ty Cổ phần Đức Minh	Nguyễn Cẩm Nhung	TS. Đỗ Tiên Tới
484	ĐHCQ	Giải pháp nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động tại công ty TNHH Phú Quỳnh	Đào Mạnh Quân	TS. Đỗ Tiên Tới
485	ĐHCQ	Giải pháp nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	Ngô Triệu Thắng	TS. Đỗ Tiên Tới
486	ĐHCQ	Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty GLORY LABEL VINA	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Đỗ Tiên Tới
487	ĐHCQ	Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần phát triển và xây dựng Thanh Hà	Hoàng Đức Khải	TS. Đỗ Tiên Tới
488	ĐHCQ	Thực trạng tạo động lực cho người lao động tại Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Trung Sơn - Hưng Yên	Trần Thị Diệu Linh	ThS. Kim Thị Hạnh
489	ĐHCQ	Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động truyền thông marketing hỗn hợp nhằm thu hút học viên tại Trung tâm Anh ngữ Bles	Dương Thị Thúy Loan	ThS. Kim Thị Hạnh

490	ĐHCQ	Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Sản Xuất & Thương Mại Công Nghệ WINTECH	Lê Phương Nam	ThS. Kim Thị Hạnh
491	ĐHCQ	Thực trạng trả lương cho người lao động tại Công ty TNHH Quân Cường	Nguyễn Hải Nam	ThS. Kim Thị Hạnh
492	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân lực tại Công ty cổ phần TH Việt Nam	Trần Thê Huyên	ThS. Kim Thị Hạnh
493	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động bán hàng và một số giải pháp nâng cao hoạt động bán hàng tại công ty Cổ Phàn Thép Minh Phú - Hải Dương	Nguyễn Phương Thảo	TS. Lê Minh Hạnh
494	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch và Vệ sinh Nông thôn tỉnh Hải Dương	Đào Trọng Thé	TS. Lê Minh Hạnh
495	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sơn Thủy Phát	Đỗ Thị Thuỷ Tiên	TS. Lê Minh Hạnh
496	ĐHCQ	Thực trạng công tác đào tạo nhân lực tại Công ty cổ phần Tập đoàn VHS	Đỗ Thị Thùy Trang	TS. Lê Minh Hạnh
497	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại công ty TNHH Yenan Vina	Nguyễn Thị Tươi	TS. Lê Minh Hạnh
498	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động quản trị bán hàng và một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản trị bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đức Hiếu	Lê Sỹ Thành	ThS. Đỗ Thị Nhài
499	ĐHCQ	Quản trị khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng Vietinbank chi nhánh Tuyên Quang	Nguyễn Trình Vũ	ThS. Đỗ Thị Nhài
500	ĐHCQ	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Ngọc Trang	Đào Thị Vân Anh	ThS. Đỗ Thị Nhài
501	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân lực tại Công ty TNHH xe máy Hà Quỳnh	Nguyễn Ngọc Anh	ThS. Đỗ Thị Nhài
502	ĐHCQ	Phân tích hoạt động tuyển dụng nhân sự của Công ty Cổ phần Colowide Việt Nam	Phùng Thị Anh	ThS. Đỗ Thị Nhài
503	ĐHCQ	Đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Thành Huy - Thực trạng và giải pháp	Dương Thị Vân	ThS. Nguyễn Thị Thủy
504	ĐHCQ	Đào tạo nhân lực tại Công ty Cổ phần dịch vụ hậu cần và tư vấn đầu tư LAM	Nguyễn Tiến Anh	ThS. Nguyễn Thị Thủy
505	ĐHCQ	Thực trạng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Mediamart - Hưng Yên	Vũ Duy Cường	ThS. Nguyễn Thị Thủy

506	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Xây dựng thương mại Kim Sơn	Hoàng Thị Huyền Diệu	ThS. Nguyễn Thị Thủy
507	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện dịch vụ giao nhận hàng hóa tại Công ty cổ phần giao nhận hàng hóa NaSCO	Phạm Văn Dương	ThS. Nguyễn Thị Thủy
508	ĐHCQ	Một số giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty cổ phần tư vấn bất động sản Phương Đông	Đỗ Thị Hà	ThS. Bùi Thị Minh Phương
509	ĐHCQ	Một số giải pháp Marketing nhằm nâng cao hiệu quả phát triển thương hiệu tại công ty	Tạ Thị Hà	ThS. Bùi Thị Minh Phương
510	ĐHCQ	Một số giải pháp hoàn thiện công tác bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và vận tải biển Khắc Ánh	Phạm Thị Thu Hằng	ThS. Bùi Thị Minh Phương
511	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao quản trị sản phẩm trong công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư thương mại Phương Đông Land	Vũ Huy Hào	ThS. Bùi Thị Minh Phương
512	ĐHCQ	Thực trạng quản lý lao động trong Công ty CP Xuất nhập khẩu May Anh Vũ	Trần Thu Huyền	ThS. Bùi Thị Minh Phương
513	ĐHCQ	Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty TNHH Thái Bình Dương	Lưu Văn Kiên	ThS. Vũ Thị Thắng
514	ĐHCQ	Đào tạo nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên Đại An Hưng Phát	Chu Thị Ngọc Lan	ThS. Vũ Thị Thắng
515	ĐHCQ	Văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Vật Tư Thiết Bị Điện Đông Nam	Đinh Thị Mỹ Linh	ThS. Vũ Thị Thắng
516	ĐHCQ	Hoàn thiện chính sách Marketing - Mix của công ty TNHH Giáo dục kỹ năng sống WinWin	Dương Văn Nam	ThS. Vũ Thị Thắng
517	ĐHCQ	Hoàn thiện chính sách sản phẩm tại Công ty TNHH Thương mại XNK & Sản xuất Đức Dương	Trương Thị Hồng Nhung	ThS. Vũ Thị Thắng
518	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại công ty cổ phần Everpia	Vũ Thị Nhung	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh
519	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại xí nghiệp May xuất khẩu Yên Mỹ	Nguyễn Thị Diệu Ninh	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh
520	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động marketing tại công ty TNHH Khánh Trúc	Đỗ Thị Thu Phương	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh
521	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm thông qua marketing – mix tại Công ty CP	Lê Xuân Sơn	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh

		sản xuất và thương mại quốc tế Hợp Phát		
522	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại Công ty Cổ phần Mavin Austfeed	Vũ Anh Thao	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh
523	ĐHCQ	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động marketing tại công ty TNHH nội thất Sơn Lâm	Nguyễn Thị Hạnh	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
524	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng của công ty TNHH BCE Việt Nam.	Đinh Công Huân	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
525	ĐHCQ	Một số biện pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty cổ phần thương mại và xây dựng Phương Đông.	Đào Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
526	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng	Vũ Thị Ngọc Liên	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
527	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự của công ty tư vấn xây dựng và đầu tư thương mại Đông Dương Land	Nguyễn Đình Linh	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
528	ĐHCQ	Phát triển Marketing xuất khẩu sản phẩm tại công ty TNHH mây tre xuất khẩu Phú Minh - Hưng Yên	Nguyễn Tú Anh	ThS. Nguyễn Thị Ngát
529	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân lực tại trung tâm dịch vụ đa phương tiện và giá trị gia tăng Mobifone	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Ngát
530	ĐHCQ	Tạo động lực cho người lao động tại công ty Cổ phần bao bì Đồng Phú - Thực trạng và giải pháp	Trịnh Việt Đông	ThS. Nguyễn Thị Ngát
531	ĐHCQ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động marketing tại công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư thương mại Đông Dương Land	Nguyễn Sơn Hà	ThS. Nguyễn Thị Ngát
532	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nhân sự tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại Bắc Bình Dương.	Đoàn Thị Hiền	ThS. Đoàn Thị Huệ
533	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phân tích công việc tại Công ty cổ phần xi măng Thăng Long	Hà Minh Hiếu	ThS. Đoàn Thị Huệ
534	ĐHCQ	Thực trạng năng lực cạnh tranh tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công.	Nguyễn Đình Hiếu	ThS. Đoàn Thị Huệ
535	ĐHCQ	Một số giải pháp hoạt động Marketing – Mix tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công.	Bùi Huy Ninh	ThS. Đoàn Thị Huệ
536	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động bán hàng và một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động bán hàng của Công ty	Nguyễn Anh Thành	ThS. Phạm Linh Chi

		TNHH MISSO		
537	ĐHCQ	Thực trạng marketing online tại Công ty TNHH Anpha Beta Việt Nam	Hoàng Thị Thu Thảo	ThS. Phạm Linh Chi
538	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Cảng Ninh Phúc Ninh Bình	Phạm Thị Phương Thủy	ThS. Phạm Linh Chi
539	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty thương mại và dịch vụ Sơn Thủy Phát	Nguyễn Thị Thanh Trà	ThS. Phạm Linh Chi
540	ĐHCQ	Thực trạng truyền thông Marketing tại công ty TNHH Phú Quỳnh	Nguyễn Giang Phong	ThS. Phạm Linh Chi
541	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xây dựng chiến lược kinh doanh tại công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	Hoàng Thị Thu	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái
542	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện chiến lược sản xuất tại Công ty TNHH Long Sơn	Nguyễn Thị Huyền Trang	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái
543	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện mạng lưới kênh phân phối tại công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thiết bị xây dựng Mạng Quang	Đoàn Thu Uyên	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái
544	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động xúc tiến bán hàng tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Thương mại Dân Phát	Trần Thị Hồng Vân	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái
545	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty TNHH Thành Công	Lê Thị Ngọc Anh	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái
546	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH sản xuất, lắp ráp Tuấn Nghĩa	Trần Hà Linh	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
547	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH Oai Cường	Lý Thị Diệu Ly	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
548	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động truyền thông Marketing tại Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ SaOai	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
549	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động truyền thông Marketing tại Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
550	ĐHCQ	Chiến lược Marketing nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ của Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm - CN Hải Phòng	Đoàn Văn Chinh	TS. Đào Văn Tú
551	ĐHCQ	Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần xây lắp và phát triển nhà HUD 3.3	Phạm Thu Hà	TS. Đào Văn Tú
552	ĐHCQ	Chính sách Marketing của Công ty Cổ phần nhựa Huy Hoàn	Phí Đình Lộc	TS. Đào Văn Tú

553	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân lực tại công ty TNHH Tự Động Hóa Đông Phương	Lê Thị Thanh Huyền	TS. Nguyễn Quang Hiệp
554	ĐHCQ	Thực trạng tiêu thụ sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi Tiên Trung	Nguyễn Hoàng Khoa	TS. Nguyễn Quang Hiệp
555	ĐHCQ	Thực trạng quản lý vận chuyển hàng hóa tại Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển Phúc Đại Lộc	Lê Thu Liễu	ThS. Bùi Minh Đức
556	ĐHCQ	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty TNHH Phương Anh	Lê Thị Thùy Linh	ThS. Bùi Minh Đức
557	ĐHCQ	Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel trên địa bàn thành phố Hà Nội (Viettel Hà Nội)	Trần Tiến Bình	TS. Đỗ Tiến Tới
558	ĐHCQ	Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và kinh doanh bao bì Tân Thành Đạt	Đào Ngọc Đức	TS. Đỗ Tiến Tới
559	ĐHCQ	Thực trạng đào tạo nhân lực tại Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Tùng Khôi	Nguyễn Minh Hiếu	ThS. Kim Thị Hạnh
560	ĐHCQ	Thực trạng tuyển dụng nhân lực tại Công Ty Cổ phần Thương mại BOO	Nguyễn Ngọc Huyền	ThS. Kim Thị Hạnh
561	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vật Liệu Sun	Đỗ Mạnh Dũng	TS. Lê Minh Hạnh
562	ĐHCQ	hực trạng truyền thông marketing sản phẩm trứng ăn liền Devi tại Công ty TNHH DT & PT Chăn Nuôi Gia Công	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS. Lê Minh Hạnh
563	ĐHCQ	Một số giải pháp marketing nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Xuân Nhật Hưng	ThS. Đỗ Thị Nhài
564	ĐHCQ	Một số giải pháp hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại công ty cổ phần Dược Quốc tế Tùng Lộc	Hoàng Phương Linh	ThS. Nguyễn Thị Thủy
565	ĐHCQ	Một số giải pháp mở rộng thị trường để nâng cao vị thế của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Dương Anh	Bùi Minh Phương	ThS. Bùi Thị Minh Phương
566	ĐHCQ	Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động bán hàng của công ty TNHH Eway Việt Nam	Nguyễn Thị Kiều Trang	ThS. Vũ Thị Thắng
567	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Everpia	Nguyễn Thị Linh Trang	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh
568	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện	Nguyễn Tuấn	ThS. Nguyễn

		hoạt động Marketing tại công ty cổ phần thiết bị và môi trường GMC VINA	Anh	Thị Hồng Thúy
569	ĐHCQ	Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng - Kỹ thuật và Thương mại Anh Phát	Lê Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Ngát
570	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện chế độ đãi ngộ nhân sự tại Công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	Nguyễn Thị Bích	ThS. Đoàn Thị Huệ
571	ĐHCQ	Chiến lược sản phẩm của công ty TNHH Kido Hà Nội - Thực trạng và giải pháp	Vũ Thị Quỳnh Anh	ThS. Phạm Linh Chi
572	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân lực tại công ty TNHH Phan Long Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	Đàm Hồng Nhung	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái
573	ĐHCQ	Giải pháp nhằm hoàn thiện các chính sách Marketing tại công ty TNHH dược phẩm Kim Hoàng Ân	Đinh Tô Hữu	Đỗ Tiến Tới
574	ĐHCQ	Thực trạng truyền thông marketing trong hoạt động kinh doanh siêu thị tại Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ tổng hợp Đức Thành	Nguyễn Khắc Châu	ThS. Kim Thị Hạnh
575	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng bình tại Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Hưng	Ngô Mạnh Hà	ThS. Kim Thị Hạnh
576	ĐHCQ	Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH MTV thi công cơ giới và thương mại Phú Cường	Nguyễn Thị Thu Huyền	TS. Lê Minh Hạnh
577	ĐHCQ	Phân tích quy trình bán hàng tại công ty TNHH General Lê Nguyễn	Phạm Thị Hương	TS. Lê Minh Hạnh
578	ĐHCQ	Hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH Sản Xuất Và Xuất Nhập Khẩu Song Minh.	Nguyễn Minh Kiên	ThS. Đỗ Thị Nhài
579	ĐHCQ	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp kinh doanh thương mại tổng hợp Dương Liễu.	Nguyễn Thị Tuyết	ThS. Đỗ Thị Nhài
580	ĐHCQ	Phân tích thực trạng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty TNHH Truyền thông ASAHO	Nguyễn Duy Long	ThS. Nguyễn Thị Thủy
581	ĐHCQ	Hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm của Công ty TNHH Vật tư ngành nước Hà Nội	Bạch Đình Nam	ThS. Vũ Thị Thắng
582	ĐHCQ	Phân tích hoạt động bán hàng tại Công ty CP Nội thất Minh Kiệt LTT	Vũ Minh Quyết	ThS. Nguyễn Thị Thu Linh
583	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động bán hàng tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và	Nguyễn Ngọc Sang	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy

		phân phối Thông Nhát		
584	ĐHCQ	Thực trạng hoạt động tuyên dụng nhân lực tại Công ty cổ phần Thiết bị cơ điện Trường Thành	Vũ Giáng Sinh	ThS. Nguyễn Thị Ngát
585	ĐHCQ	Nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tại quỹ tín dụng nhân dân Thanh Thùy	Lê Phương Thảo	ThS. Phạm Linh Chi
586	ĐHCQ	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Công Ty Cổ Phàn Đầu Tư Và Xây Dựng Thiên Nhật	Nguyễn Thị Thùy	ThS. Trịnh Thị Hồng Thái

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Chính sách tài chính đối với phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam	11/2020	ĐHTCQTK	100

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh 55 năm xây dựng và phát triển (1965-2020)	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa TS. Đào Văn Tú, TS. Nguyễn Thị Bích Diệp, ThS. Đỗ Văn Lương, ThS. Vũ Văn Hoàng, ThS. Nguyễn Việt Hưng, ThS. Đỗ Văn Dũng		11/2020		
2	Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Tài	TS. Nguyễn Thị Thúy ThS. Trần Thị Tuyết Nhung, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính, thư ký; ThS. Đào Thị Hằng,		9/2020		

	chính - Quản trị kinh doanh	Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính; ThS. Phan Thị Uyên, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính; ThS Phạm Thị Hường, Khoa Lý luận chính trị - Thành viên chính				
3	Vận dụng tư tưởng Hồ chí Minh về nông nghiệp vào phát triển kinh tế tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên hiện nay	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường ThS. Bùi Thị Minh Nhâm, ThS. Đàm Thị Thanh Thủy, ThS. Lưu Thị Yến, ThS. Bùi Thị Nhung,		9/2020		
4	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	TS. Đào Văn Tú ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy, ThS. Vũ Thị Thắng, ThS. Nguyễn Thị Thúy, ThS. Bùi Minh Đức, ThS. Phan Văn Vịnh, ThS. Bùi Anh Tuấn, CN. Hoàng Tuấn Cường		9/2020		
5	Phát triển vùng trồng rau chuyên canh tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	ThS. Nguyễn Thị Liên, ThS. Vũ Thị Thùy Dung, ThS. Bùi Tiên Thịnh, ThS. Phạm Hồng Hạnh, ThS. Trần Thị Thanh Vân		9/2020		
6	Chính sách tài chính đối với phát triển kinh tế tư nhân	TS. Nguyễn Thị Bích Diệp, ThS. Ngô Ánh Nguyệt, TS. Đỗ Thị Hoan, ThS. Lương Thị Dinh, ThS. Vũ Thị Hà, ThS. Phạm Thị Thu Hồng, ThS. Nguyễn Văn Hùng, ThS. Dương Đăng Khoa, ThS. Nguyễn Văn		9/2020		

		Vinh, ThS. Ngô Đức Thành, ThS. Nguyễn Văn Kha, ThS. Lưu Thị Thủy, ThS. Đỗ Thị Hiền, ThS. Bùi Thị Nghi Xuân, ThS. Trần Thị Xuân Xinh			
7	Giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh giai đoạn 2020 -2025 tầm nhìn đến 2030	ThS. Đỗ Văn Lương ThS. Nguyễn Thị Bích Anh, ThS. Quản Thị Lan		10/2020	
8	Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.	ThS. Bùi Minh Đức TS. Đỗ Thị Minh Nhâm, ThS. Đỗ Thị Kim Thoa, ThS. Nguyễn Thị Bích Hường ThS. Đỗ Việt Hùng		9/2020	
9	Chiến lược phát triển trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn 2035	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa, TS. Bùi Văn Can, TS. Đào Văn Tú, TS. Nguyễn Huy Cường, TS. Nguyễn Thị Bích Điệp, TS. Nguyễn Quốc Thắng, ThS. Đỗ Văn Lương, ThS. Vũ Văn Hoàng.,		11/2020	
10	Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	TS. Đỗ Thị Minh Nhâm		9/2020	
11	Xây dựng và phát triển thương hiệu trường Đại Học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	ThS. Lê Ngọc Thơm		9/2020	

	Nâng cao thế lực cho nữ sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	- ThS. Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký: ThS. Đặng Hoài Nam - ThS. Vũ Đăng Dũng		5/2021		
12	Nghiên cứu mối quan hệ giữa quản trị công ty với hiệu quả kinh doanh của các công ty cổ phần niêm yết ngành bất động sản và xây dựng tại Việt Nam	- TS. Đỗ Tiến Tới - Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy - ThS. Bùi Thị Minh Phương - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh		5/2021		
13	Kinh nghiệm đào tạo trực tuyến tại một số trường đại học ở Việt Nam và khả năng ứng dụng tại trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	- TS. Lê Minh Hạnh - Thư ký: ThS. Phạm Linh Chi - ThS. Trịnh Thị Hồng Thái - ThS. Đặng Thị Hải Thanh - ThS. Đỗ Thị Kim Chi		7/2021		
14	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của tân sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	- ThS. Dương Thị Trang - Thư ký: ThS. Hoàng Thị Mậu - ThS. Hồ Thị Thanh Huyền		5/2021		
15	Hoàn thiện bộ tiêu chí trong kiểm tra thuế, thanh tra thuế - Nghiên cứu điển hình tại Cục Thuế thành phố Hải Phòng	- Trần Đức Hùng - Thư ký: ThS. Nguyễn Thanh Bình - ThS. Nguyễn Thị Ngọc - ThS. Vũ Mai Phương		5/2021		
16	Phân tích tình hình tài chính tại một số công ty công nghệ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	- ThS. Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký: ThS. Phạm Thị Mị - ThS. Ngô Ánh Nguyệt - ThS. Trần Thị Lương - ThS. Lê Thị Hằng - CN. Nguyễn Hồng Giang		6/2021		
17						

18	Đánh giá hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo mô hình Canvas	- ThS. Vũ Thị Thùy Dung - Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - ThS. Luyện Thùy Dung - ThS. Nguyễn Hữu Quý		6/2021	
19	Nâng cao chất lượng học tập các học phần toán cho sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	- ThS. Trần Thị Bích Thục - Thư ký: ThS. Đinh Thị Kim Nhung - ThS. Đỗ Văn Quân - ThS. Lê Thị Hiền - ThS. Trịnh Thu Trang		5/2021	
20	Quản lý chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	- ThS. Trần Thị Lụa - Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Ngọc - ThS. Nguyễn Thị Thu - ThS. Lê Thị Ngọc Ánh		6/2021	
21	Kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	- TS. Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa - ThS. Bùi Thị Vân - ThS. Nguyễn Thị Hương - ThS. Đào Thị Hằng		5/2021	
22	Sự tự tin và mối tương quan giữa sự tự tin và kết quả kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	- ThS. Nguyễn Thị Vân - Thư ký: ThS. Lê Thị Mùi Hà - ThS. Phạm Thị Loan - ThS. Quản Thị Hoàng Anh		5/2021	
23	Xây dựng báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học – Trường Đại học Tài chính Quản trị kinh doanh	- TS. Lê Tuấn Hiệp - Thư ký: TS. Đỗ Thị Minh Nhâm - TS. Nguyễn Huy Cường - TS. Đào Văn Tú - ThS. Vũ Văng Hoàng - ThS. Lương Thu Thủy		4/2021	
24	Phát triển vốn từ	- ThS. Đặng Thị Hiền		5/2021	

	vựng tiếng Anh cơ bản cho sinh viên	- Thư ký: ThS. Ninh Thị Yên - ThS. Hoàng Thị Hương Giang - ThS. Đỗ Thị Thời - ThS. Hồ Thị Tam			
25	Xây dựng đề án tuyển sinh năm 2021 của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh	- TS. Nguyễn Huy Cường - Thư ký: ThS. Nguyễn Văn Thế - ThS. Nguyễn Văn Đạo - ThS. Đỗ Thị Vui - ThS. Nguyễn Thị Lam Giang		3/2021	



BIỂU MẪU 19
Công khai thông tin cơ sở vật chất
của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh
Năm học 2021-2022

(Kèm theo Thông báo số 7/TT-BGDDT ngày 28 tháng 1 năm 2021)

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	208.000	208.000		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	18.816	18.816		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	0						
2	Phòng thực hành	10		GV, SV	698	x		
3	Xưởng thực tập							
4	Nhà tập đa năng	1		CB, GV, SV	610	x		
5	Hội trường	2		CB, GV, SV	1420	x		
6	Phòng học	58		GV, SV	5804	x		
7	Phòng học đa phương tiện							
8	Thư viện	2		CB, GV, SV	449	x		
9	Trung tâm học liệu							
10	Các phòng chức năng khác			CB, GV, SV	3893	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	2
2	Số chỗ ngồi đọc	200
3	Số máy tính thư viện	60
4	Số lượng bản sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (bản sách, tạp chí)	22.338
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	0

D. Diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/ sinh viên	70,7 m ²
2	Diện tích sàn/ sinh viên	6,4 m ²



BIỂU MẪU 20
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hưu
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh
Năm học 2021-2022

(Kèm theo Thông báo số ~~TH/TB-ĐHTCQTKD~~ ngày ~~12~~ tháng ~~11~~ năm 2021)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hưu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	199		1	17	178	4	165	33	1
1	Giảng viên cơ hưu theo ngành	143		1	16	124	3	121	21	1
a	Khối ngành I									
b	Khối ngành II									
c	Khối ngành III	131	0	1	14	114	3	111	18	1
d	Khối ngành IV									
e	Khối ngành V									
f	Khối ngành VI									
g	Khối ngành VII	12	0	0	2	10	0	10	3	0
2	Giảng viên cơ hưu môn chung	56	0	0	1	54	1	44	12	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Ngành giảng dạy
	Khối ngành I					
	Khối ngành II					
	Khối ngành III					
1	Lê Minh Hạnh	1981	Nữ		TS	Ngành Kế toán
2	Trương Thị Thanh Loan	1982	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
3	Đinh Thị Thu Huyền	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
4	Trương Thị Tuyết Nhung	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
5	Vũ Ngọc Loan	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
6	Đoàn Thị Huệ	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
7	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
8	Đỗ Văn Dũng	1982	Nam		ThS	Ngành Kế toán
9	Phạm Minh Đức	1971	Nam		ThS	Ngành Kế toán
10	Phạm Văn Hưng	1974	Nam		ĐH	Ngành Kế toán
11	Phạm Ngọc Thảo	1975	Nam		ThS	Ngành Kế toán
12	Nguyễn Hải Hà	1979	Nam		ThS	Ngành Kế toán
13	Lê Hồng Kỳ	1974	Nam		ThS	Ngành Kế toán
14	Phạm Thu Hương	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
15	Nguyễn Thanh Huyền	1983	Nữ		TS	Ngành Kế toán
16	Nguyễn Thị Hải	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
17	Trịnh Thị Thu Hà	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
18	Trần Đức Hùng	1976	Nam		ThS	Ngành Kế toán
19	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
20	Dương Thị Thiều	1978	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
21	Bùi Thị Vân	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
22	Trịnh Thị Điệp	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
23	Trần Thị Lụa	1982	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
24	Nguyễn Thị Kim Dung	1984	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
25	Trần Minh Huệ	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
26	Đoàn Thị Phương	1985	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
27	Nguyễn Thị Thu	1985	Nữ		ThS	Ngành Kế toán

Biểu mẫu 20

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

28	Nguyễn Đức Phong	1984	Nam		ThS	Ngành Kế toán
29	Lê Thị Bình	1987	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
30	Nguyễn Phương Hạnh	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
31	Nguyễn Thị Đào	1981	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
32	Đỗ Thị Loan	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
33	Vũ Thị Thảo	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
34	Nguyễn Thị Ngọc	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
35	Lê Thị Ngọc Ánh	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
36	Nguyễn Thị Hương	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
37	Đoàn Thị Hồng Thịnh	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
38	Nguyễn Thị Ngoan	1986	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
39	Đào Thị Hằng	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
40	Phạm Thị Thu Hương	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
41	Phạm Thị Hậu	1988	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
42	Cao Thị Hằng	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
43	Trần Ngân Hà	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
44	Nguyễn Thị Huyền	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
45	Nguyễn Thị Phương Hoa	1990	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
46	Nguyễn Thị Thanh Hà	1989	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
47	Nguyễn Thanh Bình	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
48	Nguyễn Thị Hải Hường	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
49	Vũ Mai Phương	1991	Nữ		ThS	Ngành Kế toán
50	Nguyễn Thị Vân Thanh	1991	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
51	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	1984	Nữ		TS	Ngành Kiểm toán
52	Đào Văn Anh	1978	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
53	Nguyễn Thị Phương	1983	Nữ		TS	Ngành Kiểm toán
54	Trịnh Thị Thu Hòa	1987	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
55	Nguyễn Thị Minh Tâm	1989	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
56	Lê Thị Loan	1990	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
57	Đặng Thị Mai	1991	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
58	Trần Ngọc Lan	1990	Nữ		ThS	Ngành Kiểm toán
59	Bùi Minh Đức	1984	Nam		ThS	Ngành QTKD
60	Đào Văn Tú	1974	Nam		TS	Ngành QTKD
61	Nguyễn Quang Hiệp	1981	Nam		TS	Ngành QTKD
62	Đỗ Tiến Tới	1980	Nam		TS	Ngành QTKD

Biểu mẫu 20
 (Theo thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT
 ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

63	Lê Nguyên Tùng	1976	Nam		ĐH	Ngành QTKD
64	Kim Thị Hạnh	1975	Nữ		ThS	Ngành QTKD
65	Đỗ Thị Nhài	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
66	Nguyễn Thị Thủy	1979	Nữ		ThS	Ngành QTKD
67	Bùi Thị Minh Phương	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
68	Phạm Linh Chi	1984	Nữ		ThS	Ngành QTKD
69	Nguyễn Thị Ngát	1985	Nữ		ThS	Ngành QTKD
70	Nguyễn Thị Thu Linh	1987	Nữ		ThS	Ngành QTKD
71	Nguyễn Thị Hồng Thúy	1984	Nữ		ThS	Ngành QTKD
72	Vũ Thị Thắng	1982	Nữ		ThS	Ngành QTKD
73	Trịnh Thị Hồng Thái	1990	Nữ		ThS	Ngành QTKD
74	Đỗ Đức Minh	1958	Nam	PGS	TS	Ngành TCNH
75	Lê Tuấn Hiệp	1978	Nam		TS	Ngành TCNH
76	Vũ Văn Hoàng	1976	Nam		ThS	Ngành TCNH
77	Hồ Ngọc Hà	1963	Nam		ThS	Ngành TCNH
78	Nguyễn Văn Chương	1971	Nam		ThS	Ngành TCNH
79	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	1983	Nữ		ThS	Ngành TCNH
80	Nguyễn Thị Bích Đieber	1982	Nữ		TS	Ngành TCNH
81	Trương Thị Đức Giang	1978	Nữ		TS	Ngành TCNH
82	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Nữ		ThS	Ngành TCNH
83	Nguyễn Thị Liên	1976	Nữ		TS	Ngành TCNH
84	Lê Minh Thu	1982	Nữ		ThS	Ngành TCNH
85	Trương Thị Bích	1982	Nữ		ThS	Ngành TCNH
86	Lương Thị Dinh	1978	Nữ		ThS	Ngành TCNH
87	Bùi Thị Thanh Huyền	1984	Nữ		ThS	Ngành TCNH
88	Vũ Thị Thùy Dung	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH
89	Trần Thu Nga	1988	Nữ		ThS	Ngành TCNH
90	Quản Thị Thu Huyền	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH
91	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ		ThS	Ngành TCNH
92	Phạm Thị Mị	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
93	Phạm Thị Mai Huyên	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
94	Phạm Hồng Hạnh	1987	Nữ		ThS	Ngành TCNH
95	Đỗ Thị Tuyết Mai	1984	Nữ		ThS	Ngành TCNH
96	Luyện Thùy Dung	1990	Nữ		ThS	Ngành TCNH
97	Trần Thị Thanh Vân	1990	Nữ		ThS	Ngành TCNH

Biểu mẫu 20

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

98	Nguyễn Văn Thé	1990	Nam		ThS	Ngành TCNH
99	Nguyễn Hữu Quý	1986	Nam		ThS	Ngành TCNH
100	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1986	Nữ		ThS	Ngành TCNH
101	Bùi Tiến Thịnh	1990	Nam		ThS	Ngành TCNH
102	Đỗ Thị Quỳnh Anh	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
103	Bùi Thị Yên	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
104	Lê Thị Hằng	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
105	Vũ Thị Hà	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
106	Hoàng Thị Duyên	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
107	Hoàng Thị Duyên	1980	Nữ		ThS	Ngành TCNH
108	Trần Thị Lương	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
109	Trần Đình Thắng	1974	Nam		ThS	Ngành TCNH
110	Phạm Văn Toàn	1982	Nam		ThS	Ngành TCNH
111	Đỗ Minh Ngọc	1981	Nam		ThS	Ngành TCNH
112	Dương Thị Trang	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
113	Hoàng Thị Mậu	1989	Nữ		ThS	Ngành TCNH
114	Nguyễn Minh Nhật	1991	Nam		ThS	Ngành TCNH
115	Hồ Thị Thanh Huyền	1991	Nữ		ThS	Ngành TCNH
116	Đỗ Thị Hoan	1981	Nữ		TS	Ngành TCNH
117	Nguyễn Huy Cường	1975	Nam		TS	Ngành HTTSQL
118	Nguyễn Thành Chung	1980	Nam		ĐH	Ngành HTTSQL
119	Trần Thị Kim Oanh	1983	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
120	Đỗ Minh Nam	1979	Nam		ThS	Ngành HTTSQL
121	Đỗ Huy Cảnh	1975	Nam		ThS	Ngành HTTSQL
122	Đỗ Thị Kim Chi	1980	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
123	Nguyễn Thị Thu Hương	1979	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
124	Vũ Thị Liên	1987	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
125	Phạm Anh Tuấn	1980	Nam		ThS	Ngành HTTSQL
126	Cao Thị Tho	1985	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
127	Đỗ Thị Vui	1988	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
128	Phạm Việt Phương	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
129	Phạm Thị Chanh	1988	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
130	Trịnh Thu Trang	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
131	Vũ Thị Hòa	1989	Nữ		ThS	Ngành HTTSQL
Khối ngành IV						

Biểu mẫu 20

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Khối ngành V				
	Khối ngành VI				
	Khối ngành VII				
132	Nguyễn Trọng Nghĩa	1964	Nam	TS	Ngành Kinh tế
133	Đỗ Thị Minh Nhâm	1979	Nữ	TS	Ngành Kinh tế
134	Đỗ Văn Lương	1976	Nam	ThS	Ngành Kinh tế
135	Lê Thị Thu Hà	1984	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
136	Hoàng Thị Nhung	1979	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
137	Nguyễn Thị Thùy Linh	1987	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
138	Đào Thị Hồng Xiêm	1986	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
139	Đỗ Thị Huyền Thanh	1990	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
140	Lê Ngọc Thơm	1991	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
141	Phan Thúy Nga	1990	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
142	Lê Thị Vinh	1985	Nữ	ThS	Ngành Kinh tế
143	Nguyễn Đức Trung	1990	Nam	ThS	Ngành Kinh tế
	GV các môn chung				
144	Vũ Đăng Dũng	1977	Nam	ThS	Môn chung
145	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	Nam	ThS	Môn chung
146	Nguyễn Văn Sự	1965	Nam	ThS	Môn chung
147	Phạm Khánh Tùng	1981	Nam	ThS	Môn chung
148	Đặng Hoài Nam	1989	Nam	ThS	Môn chung
149	Đỗ Mạnh Tuấn	1992	Nam	ThS	Môn chung
150	Nguyễn Việt Hưng	1978	Nam	ThS	Môn chung
151	Nguyễn Thị Bích Anh	1985	Nữ	ThS	Môn chung
152	Bùi Văn Bằng	1973	Nam	ThS	Môn chung
153	Kiều Thị Hồng Hạnh	1976	Nữ	ThS	Môn chung
154	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	1972	Nữ	ĐH	Môn chung
155	Phạm Thị Lý	1980	Nữ	ThS	Môn chung
156	Vũ Thị Phương Thảo	1975	Nữ	ThS	Môn chung
157	Ngô Thị An	1988	Nữ	ThS	Môn chung
158	Đỗ Thu Hương	1985	Nữ	ThS	Môn chung
159	Trần Thị Lý	1986	Nữ	ThS	Môn chung
160	Tô Xuân Hải	1989	Nam	ThS	Môn chung
161	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1987	Nữ	ThS	Môn chung
162	Đinh Thị Kim Nhung	1978	Nữ	ThS	Môn chung
163	Đoàn Thanh Sơn	1979	Nam	ThS	Môn chung
164	Trần Thị Bích Thục	1975	Nữ	ThS	Môn chung
165	Đỗ Văn Quân	1980	Nam	ThS	Môn chung
166	Lê Thị Hiền	1988	Nữ	ThS	Môn chung
167	Phạm Thị Loan	1989	Nữ	ThS	Môn chung
168	Đoàn Thị Linh	1989	Nữ	ThS	Môn chung

Biểu mẫu 20

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

169	Nguyễn Thị Thu Hường	1976	Nữ		ThS	Môn chung
170	Nguyễn Thị Thuý	1979	Nữ		TS	Môn chung
171	Đào Thị Hàng	1989	Nữ		ThS	Môn chung
172	Nguyễn Thị Thùy Dung	1983	Nữ		ThS	Môn chung
173	Phạm Thị Hường	1985	Nữ		ThS	Môn chung
174	Bùi Thị Nhụng	1985	Nữ		ThS	Môn chung
175	Trần Thị Tuyết Nhụng	1984	Nữ		ThS	Môn chung
176	Phan Thị Uyển	1984	Nữ		ThS	Môn chung
177	Đàm Thị Thanh Thủy	1988	Nữ		ThS	Môn chung
178	Dư Thị Tươi	1987	Nữ		ThS	Môn chung
179	Vũ Thị Trang	1989	Nữ		ThS	Môn chung
180	Lưu Thị Yến	1988	Nữ		ThS	Môn chung
181	Cao Thị Thu Hàng	1976	Nữ		ThS	Môn chung
182	Bùi Thị Minh Nhâm	1991	Nữ		ThS	Môn chung
183	Nguyễn Thị Hải Yến	1991	Nữ		ThS	Môn chung
184	Đào Thị Hồng Lam	1979	Nữ		ThS	Môn chung
185	Trần Thị Thu Trang	1978	Nữ		ThS	Môn chung
186	Đặng Thị Hiền	1978	Nữ		ThS	Môn chung
187	Nguyễn Thị Vân	1983	Nữ		ThS	Môn chung
188	Hoàng Văn Thắng	1983	Nam		ThS	Môn chung
189	Lê Thị Mùi Hà	1979	Nữ		ThS	Môn chung
190	Quản Thị Hoàng Anh	1980	Nữ		ThS	Môn chung
191	Hoàng Thị Hương Giang	1976	Nữ		ThS	Môn chung
192	Nguyễn Thị Thảo	1989	Nữ		ThS	Môn chung
193	Đinh Thị Luyện	1990	Nữ		ThS	Môn chung
194	Hồ Thị Tam	1979	Nữ		ThS	Môn chung
195	Ninh Thị Yến	1988	Nữ		ThS	Môn chung
196	Đặng Thị Phượng	1991	Nữ		ThS	Môn chung
197	Vũ Thị Thanh Huyền	1989	Nữ		ThS	Môn chung
198	Lê Thị Thanh	1991	Nữ		ThS	Môn chung
199	Nguyễn Thị Cẩm Nhụng	1992	Nữ		ThS	Môn chung

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	22.08
4	Khối ngành IV	

Biểu mẫu 20
*(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	3.92



BIỂU MẪU 21

Công khai tài chính của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh

Năm học 2021-2022

(Kèm theo Thông báo số 71/TB-ĐHTCQTKD ngày 02 tháng 11 năm 2021)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ 1SV/ năm	Dự kiến học phí/ 1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy, chương trình đại trà			
<i>1</i>	Thạc sĩ			
	Khối ngành III	Triệu đồng/ năm	14,7	
<i>2</i>	Đại học			
	Khối ngành III	Triệu đồng/ năm	9,8	
	Khối ngành VII	Triệu đồng/ năm		
II	Học phí hình thức vừa làm vừa học			
<i>1</i>	Đại học			
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	14,7	
III	Tổng thu năm 2021		Dự toán giao	Dự kiến
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	31,256	31,256
2	Từ học phí	Tỷ đồng	28,400	28,400
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	0	0
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	5,6	5,6



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa